



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO



BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

SỐ THÁNG 9/2024



MỤC LỤC



PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 8/2024	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	3
2. Dự báo tăng trưởng	6
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	9
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 8/2024	9
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	9
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	9
1.1.2. Xuất nhập khẩu	9
1.1.3. Hoạt động đầu tư	10
1.1.4. Chỉ số giá tiêu dùng	11
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	12
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng và lãi suất	12
1.2.2. Tỷ giá/ ngoại tệ	15
1.2.3. Chỉ số giá vàng	15
1.2.4. Chứng khoán	15
1.2.5. Thuế	16
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	17
2.1. Về chủ trương, chính sách	17
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	19
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	21
1. Thị trường dầu thô	21
2. Thị trường khí	27
3. Thị trường phân bón	31
4. Thị trường điện	34
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	36
Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 8 năm 2024	37



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 8/2024

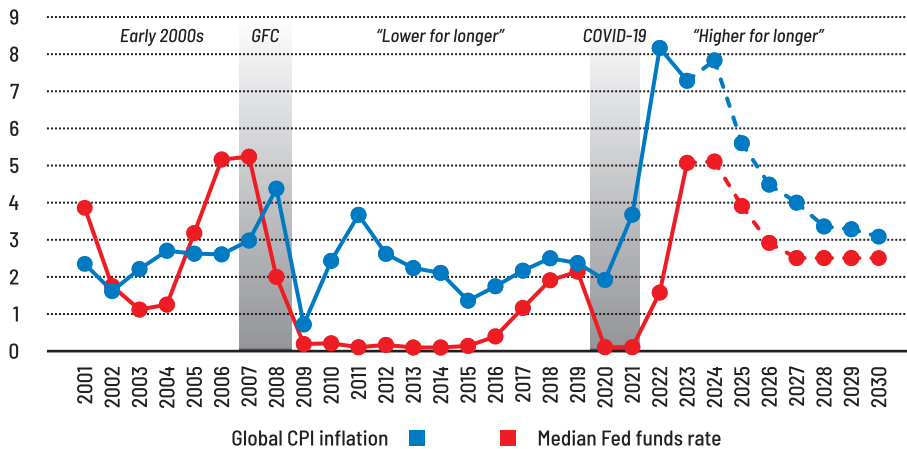
1.1. Tổng quan chung

Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu tháng 8/2024 đạt 49,5 điểm, giảm 0,2 điểm so với tháng 7/2024 (49,7 điểm), duy trì dưới mức trung tính tháng thứ hai liên tiếp. Các dấu hiệu suy yếu tiếp tục xuất hiện trong lĩnh vực sản xuất toàn cầu trong tháng 8. Sản xuất, đơn đặt hàng mới và việc làm ghi nhận sự suy giảm nhẹ, và dòng chảy thương mại toàn cầu xấu đi trong tháng thứ ba liên tiếp.

Kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm và phải đối mặt với những áp lực lớn từ lạm phát, lãi suất cao, căng thẳng thương mại, cùng sự suy thoái của các nền kinh tế chủ chốt như Mỹ, Trung Quốc... Trước tình hình này, chính phủ các nước đã có biện pháp ứng phó khác nhau, dẫn đến sự khác biệt đáng kể trong quan điểm về sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương trên thế giới. Trong khi các ngân hàng trung ương tại Mỹ và châu Âu duy trì lãi suất cao để kiểm soát lạm phát thì các ngân hàng trung ương tại khu vực châu Á lại chọn áp dụng chính sách tiền tệ linh hoạt hơn để hỗ trợ tăng trưởng.

LÃI SUẤT ĐƯỢC GIỮ Ở MỨC CAO NHẪM KIỂM SOÁT LẠM PHÁT

Đơn vị tính: %



Nguồn: Fed

Bên cạnh đó, những biến động mạnh trên thị trường tài chính và lo ngại về suy thoái kinh tế, căng thẳng địa chính trị leo thang đã khiến các nhà đầu tư tìm đến các tài sản an toàn hơn như vàng. Trong tháng 8, giá vàng thế giới tăng mạnh và nhiều lần lập kỷ lục mới, với vàng giao kỳ hạn có lúc chạm ngưỡng 2.570 USD/ounce và vàng giao ngay vượt qua mức 2.530 USD/ounce.

DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG THẾ GIỚI TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY

Đơn vị tính: USD/oz



Nguồn: LSEG Datastream

Đáng chú ý, trong tháng qua, thị trường hàng hóa đã có những thay đổi đáng kể trong việc thanh toán khi mà các giao dịch dầu mỏ ngày càng được thực hiện bằng các loại tiền tệ không phải đô la Mỹ, đồng thời hàng chục ngân hàng trung ương trên toàn cầu đang thử nghiệm các phiên bản kỹ thuật số mới đối với đồng nội tệ nhằm giảm sự phụ thuộc vào hệ thống ngân hàng Mỹ. Nguyên nhân chính đến từ các biện pháp trừng phạt tài chính từ Mỹ, khiến các quốc gia như Nga và Trung Quốc buộc phải phát triển các giải pháp thay thế cho đồng đô la Mỹ.

Mặc dù đã có những tín hiệu tích cực như nhu cầu du lịch đang tăng mạnh và cước vận tải biển giảm, nền kinh tế toàn cầu vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro đáng lo ngại như biến động giá năng lượng tạo áp lực lớn lên chi phí sản xuất và tiêu dùng, đồng thời nợ công cao ở nhiều quốc gia cũng hạn chế khả năng đầu tư và chi tiêu công. Ngoài ra, tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức cao cũng làm giảm sức mua của người tiêu dùng và ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế. Những yếu tố này kết hợp có thể làm chậm quá trình phục hồi và gia tăng bất ổn nền kinh tế toàn cầu trong thời gian tới.

1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

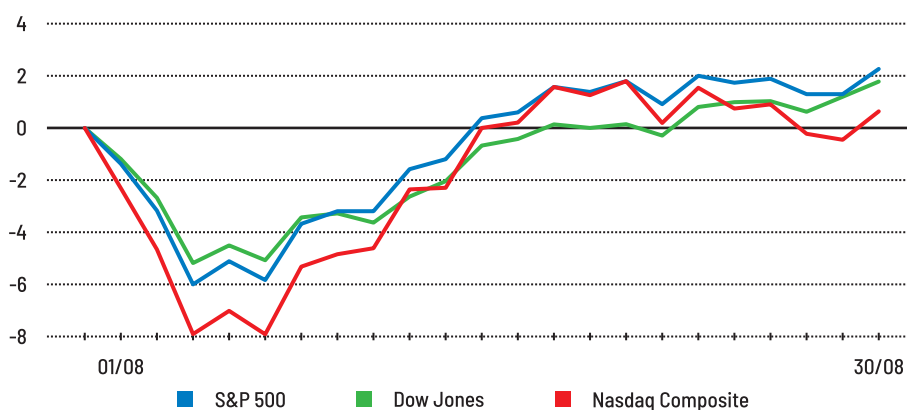
▪ Mỹ

Hoạt động kinh doanh tại Mỹ tiếp tục tăng trưởng nhưng tốc độ đã chậm lại. Chỉ số nhà quản trị mua hàng tổng hợp (PMI composite) giảm nhẹ từ 54,3 điểm trong tháng 7 xuống còn 54,1 điểm trong tháng 8. Trong đó, khối ngành dịch vụ tiếp tục phát triển ổn định, còn khối ngành sản xuất có chiều hướng suy giảm do chi phí đầu vào đã liên tục tăng gây áp lực lên hoạt động sản xuất.

Chỉ số PMI sản xuất tháng 8/2024 tiếp tục giảm 1,7 điểm so với tháng 7/2024 (49,6 điểm) xuống mức 47,9 điểm, dưới ngưỡng 50 điểm tháng thứ 2 liên tiếp. Lĩnh vực sản xuất của Hoa Kỳ đã ghi nhận sự suy giảm rõ rệt nhất trong năm 2024 cho đến nay, chấm dứt chuỗi sáu tháng tăng trưởng.

Đặc biệt, trong tháng qua, thị trường chứng khoán Mỹ đã ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng, phản ánh niềm tin mạnh mẽ vào triển vọng kinh tế và kỳ vọng tích cực từ phía nhà đầu tư. Cả ba chỉ số chính của thị trường đều có mức tăng đáng kể, tính từ đầu năm đến hết tháng 8, chỉ số S&P 500 tăng 18%, chỉ số Dow Jones và Nasdaq Composite tăng lần lượt 10% và 18%.

BIẾN ĐỘNG BA CHỈ SỐ CHÍNH CỦA CHỨNG KHOÁN MỸ TRONG THÁNG 8/2024



Nguồn: CNBC

Song song với sự phát triển của thị trường chứng khoán, nền kinh tế Mỹ cũng được hỗ trợ từ sự ổn định của thị trường năng lượng trong nước. Giá khí đốt tự nhiên giao dịch ở mức thấp, trong khi giá xăng tại Mỹ cũng giảm trong mùa hè giúp vơi bớt gánh nặng chi phí cho người dân và cả doanh nghiệp.

Dù áp lực lạm phát đã giảm bớt, nền kinh tế Mỹ vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức lớn như thâm hụt ngân sách ngày càng tăng và các khoản nợ khổng lồ của doanh nghiệp và người dân đang trở thành gánh nặng đáng kể. Nếu tình trạng này kéo dài, có thể dẫn đến nguy cơ giảm nguồn thu từ thuế và tăng trợ cấp thất nghiệp, đẩy Mỹ đến gần hơn với nguy cơ xảy ra tình trạng vỡ nợ trong tương lai.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 9/2024

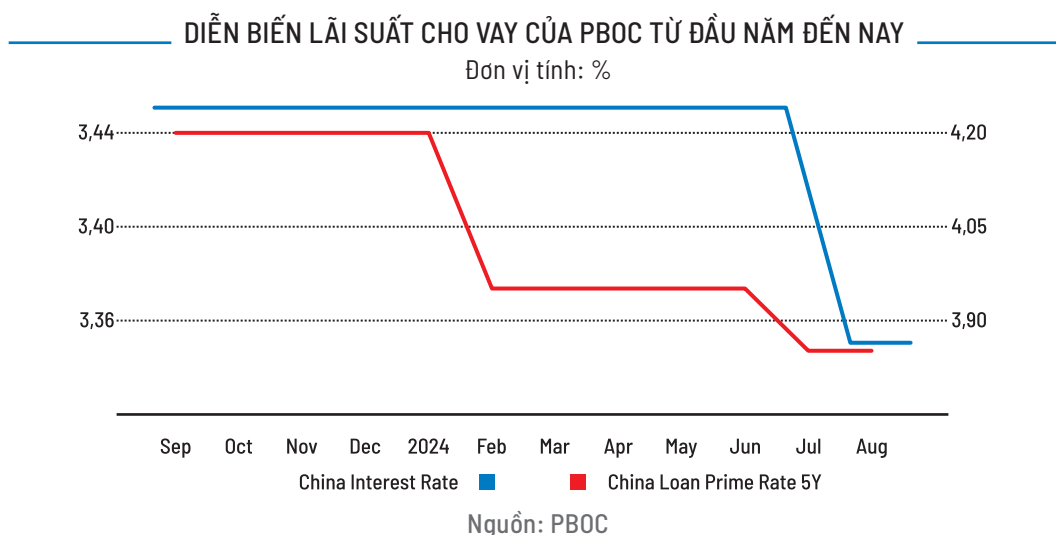
Ngày 19/8, tổ chức nghiên cứu kinh tế hàng đầu thế giới Conference Board dự báo tốc độ tăng trưởng GDP thực tế của Hoa Kỳ sẽ chậm lại trong vài quý tới do người tiêu dùng và doanh nghiệp tiếp tục cắt giảm chi tiêu và đầu tư. Theo đó, Conference Board dự báo GDP thực tế của Hoa Kỳ dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ 0,6% trong quý III/2024 và sẽ đạt 1% quý IV/2024.

▪ Trung Quốc

Trong tháng 8, kinh tế Trung Quốc phục hồi chậm chạp do phải chịu tác động của nhiều yếu tố như khủng hoảng bất động sản kéo dài, tiêu dùng nội địa suy giảm và xuất khẩu suy yếu. Đồng thời, lượng tồn kho các nguyên liệu thô quan trọng của Trung Quốc đang tăng lên, cho thấy hoạt động kinh tế chưa phục hồi đủ để hấp thụ nguồn cung dư thừa và sự dư thừa đó đang đẩy giá mọi thứ từ thép đến đậu tương xuống thấp.

PMI sản xuất tháng 8/2024 đạt 50,4 điểm, tăng 0,6 điểm so với tháng 7/2024 (49,8 điểm), vượt qua mức trung tính. Dữ liệu mới nhất cho thấy điều kiện trong lĩnh vực sản xuất đã được cải thiện sau sự suy giảm ngắn hạn vào tháng 7/2024. Tuy nhiên, tốc độ cải thiện chỉ ở mức không đáng kể.

Trong bối cảnh nền kinh tế đang gặp khó khăn, ngày 20/8, Ngân hàng trung ương Trung Quốc (PBOC) quyết định giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản (Loan Prime Rate - LPR), với kỳ hạn 1 năm giữ ở mức 3,35% và kỳ hạn 5 năm giữ ở mức 3,85% nhằm tạo sự cân bằng trong việc thúc đẩy tăng trưởng mà không gây ra sự bất ổn lớn hơn cho hệ thống tài chính.



Bên cạnh đó, ngày 29/8, PBOC đã tiến hành mua 400 tỷ Nhân dân tệ trái phiếu chính phủ đặc biệt kỳ hạn 10 năm và 15 năm thông qua các hoạt động thị trường mở, góp phần giúp chính phủ kiểm soát thanh khoản ngắn hạn và cung cấp sự hỗ trợ lâu dài cho thị trường, đặc biệt là trong bối cảnh nhu cầu vay vốn và đầu tư đang suy yếu.

Ngoài những thách thức trên, một trong những yếu tố dài hạn đang đè nặng lên nền kinh tế Trung Quốc là tình trạng dân số già hóa và lực lượng lao động ngày một giảm sút gây áp lực ngày càng lớn lên hệ thống an sinh xã hội và làm kìm hãm tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Ngày 29/8, Ngân hàng Union Bank of Switzerland (UBS) đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc trong năm 2024 từ 4,9% xuống còn 4,6% và dự báo cho năm 2025 cũng được điều chỉnh giảm xuống 4%. Theo UBS, nguyên nhân chính là do cuộc khủng hoảng trong lĩnh vực bất động sản vẫn tiếp diễn và chưa có dấu hiệu chậm lại.

▪ EU

Kinh tế khu vực châu Âu (EU) ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực trong tháng 8, với tốc độ gia tăng hoạt động kinh tế đạt mức cao nhất trong ba tháng qua. Chỉ số nhà quản trị mua hàng tổng hợp (PMI composite) tăng từ 50,2 điểm trong tháng 7 lên 51,2 điểm, vượt kỳ vọng thị trường, đánh dấu giai đoạn mở rộng hoạt động kinh doanh kéo dài liên tục nửa năm. Trong đó, lĩnh vực dịch vụ vẫn tăng trưởng tốt khi đơn hàng mới và tuyển dụng nhân công tăng lên. Tuy nhiên, lĩnh vực sản xuất vẫn trì trệ do chi phí đầu vào cao và nhu cầu tiêu dùng giảm.

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) sản xuất đạt 45,8 điểm, không thay đổi so với tháng 6/2024 và tháng 7/2024, báo hiệu một sự suy giảm vững chắc khác về điều kiện hoạt động trên toàn bộ lĩnh vực sản xuất của khu vực đồng euro.

Bên cạnh đó, trong tháng qua, lạm phát tại khu vực đồng tiền chung châu Âu đã giảm xuống còn 2,2% từ mức 2,6% trong tháng 7, gần chạm với mục tiêu 2% mà Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đặt ra nhờ vào việc giá năng lượng giảm mạnh.

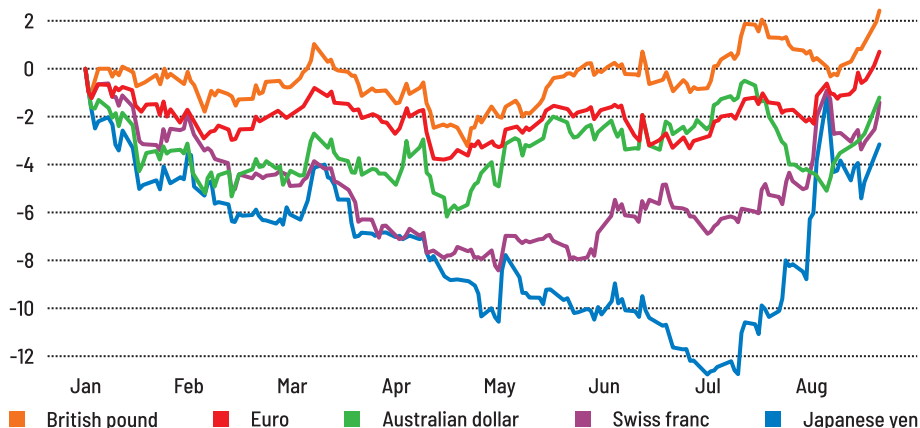
Ngoài những chuyển biến khả quan trong hoạt động kinh tế, trên thị trường tiền tệ, đồng euro tiếp tục hưởng lợi từ các biến động toàn cầu như sự suy yếu của đồng đô la Mỹ và những bất ổn chính trị tại các nền kinh tế lớn. Trong tháng 8, đồng euro đã đạt mức giá cao nhất trong năm so với đồng đô la Mỹ, cho thấy sức mạnh tương đối ổn định của nền kinh tế khu vực EU đối với những diễn biến bất ổn trên thị trường kinh tế toàn cầu.

Tuy nhiên, việc đồng euro tăng giá cũng gây áp lực lên các nhà xuất khẩu tại EU, khiến hàng hóa của họ trở nên đắt đỏ hơn trên thị trường quốc tế, làm giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm châu Âu so với các đối thủ từ các khu vực có đồng tiền yếu hơn, ảnh hưởng đến doanh thu xuất khẩu và lợi nhuận của các doanh nghiệp.

Nhìn chung, dù còn nhiều thách thức, những dấu hiệu tích cực từ lĩnh vực dịch vụ và việc kiểm soát lạm phát đã mang lại hy vọng cho một giai đoạn phục hồi kinh tế bền vững của châu Âu trong thời gian tới.

BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ ĐỒNG EURO VÀ MỘT SỐ ĐỒNG TIỀN KHÁC
SO VỚI ĐỒNG ĐÔ LA MỸ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY

Đơn vị tính: %



Nguồn: LSEG Datastream

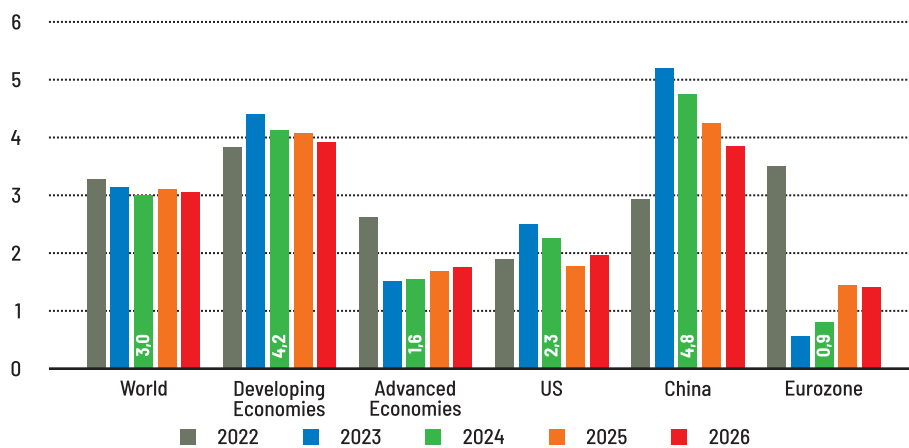
2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Nền kinh tế toàn cầu đã có giai đoạn tăng trưởng bền vững khi bước vào nửa cuối năm 2024, được thúc đẩy bởi lạm phát giảm và việc làm và tiêu dùng tư nhân tốt hơn dự kiến. Mặc dù vậy, *triển vọng tăng trưởng ngắn hạn sẽ bị suy yếu do môi trường lãi suất vẫn ở mức cao, khả năng tỷ lệ thất nghiệp cao và bất ổn chính trị gia tăng sẽ ảnh hưởng đến niềm tin của doanh nghiệp và người tiêu dùng toàn cầu.*

Theo dự báo cơ sở quý 3 năm 2024 của Tập đoàn nghiên cứu thị trường Euromonitor International, tăng trưởng *GDP thực tế toàn cầu* dự kiến sẽ đạt 3,0% vào năm 2024 và 3,1% vào năm 2025. Lạm phát toàn cầu sẽ giảm xuống 6,6% vào năm 2024, trước khi giảm tiếp xuống 3,9% vào năm 2025.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP THỰC TẾ TOÀN CẦU 2022 - 2026

Đơn vị tính: %



Nguồn: Euromonitor International Macro Model

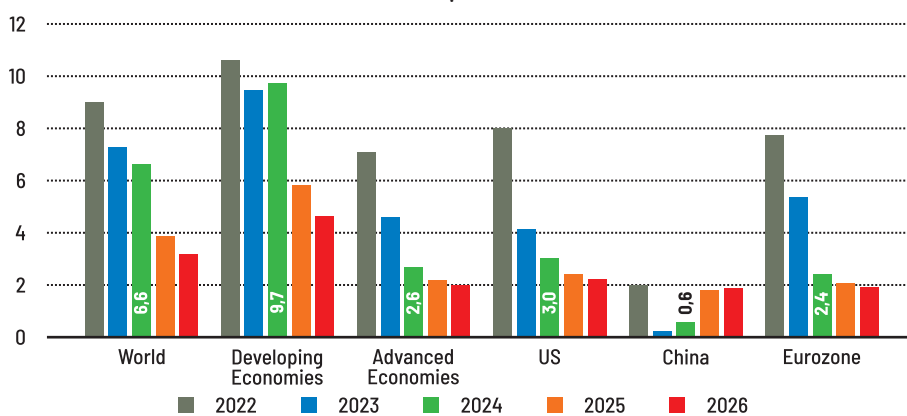
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 9/2024

Với dự báo tăng trưởng GDP thực tế đạt 4,2% vào năm 2024 và 4,1% vào năm 2025, *các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển sẽ tiếp tục vượt trội hơn các nước tiên tiến*. Tuy nhiên, triển vọng của các nền kinh tế mới nổi đang phải chịu những rủi ro trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang chậm lại và những thách thức trong nước đang diễn ra.

Lạm phát toàn cầu đang chậm lại, nhưng với tốc độ chậm. Trong dự báo cơ sở quý 3 năm 2024 của Euromonitor, lạm phát giá tiêu dùng toàn cầu dự kiến sẽ *giảm xuống còn 6,6% vào năm 2024*, trước khi giảm mạnh xuống còn 3,9% vào năm 2025. Không tính Argentina, lạm phát toàn cầu sẽ ở mức 4,9% vào năm 2024 và 3,4% vào năm 2025.

DỰ BÁO LẠM PHÁT GIÁ TIÊU DÙNG TOÀN CẦU 2022 - 2026

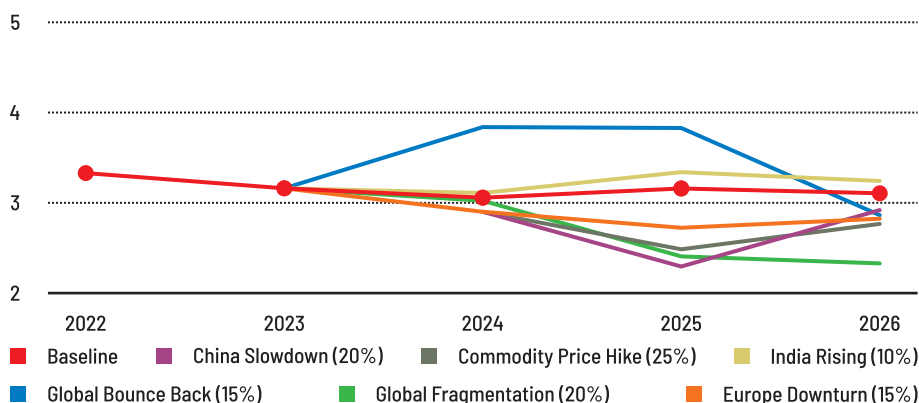
Đơn vị tính: %



Nguồn: LSEG Datastream

Triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu tiếp tục bị bao quanh bởi sự bất ổn và nhiều rủi ro bất lợi. Rủi ro toàn cầu có thể đến từ ba yếu tố chính: sự gia tăng các xung đột địa chính trị bao gồm cạnh tranh địa kinh tế, những trở ngại kinh tế vĩ mô hiện tại và tác động của biến đổi khí hậu. Sự thiếu ổn định trong triển vọng của nền kinh tế toàn cầu như được phản ánh trong dự báo kịch bản quý 3 năm 2024 của Euromonitor International.

CÁC KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG GDP THỰC TẾ 2022 - 2026



Nguồn: LSEG Datastream

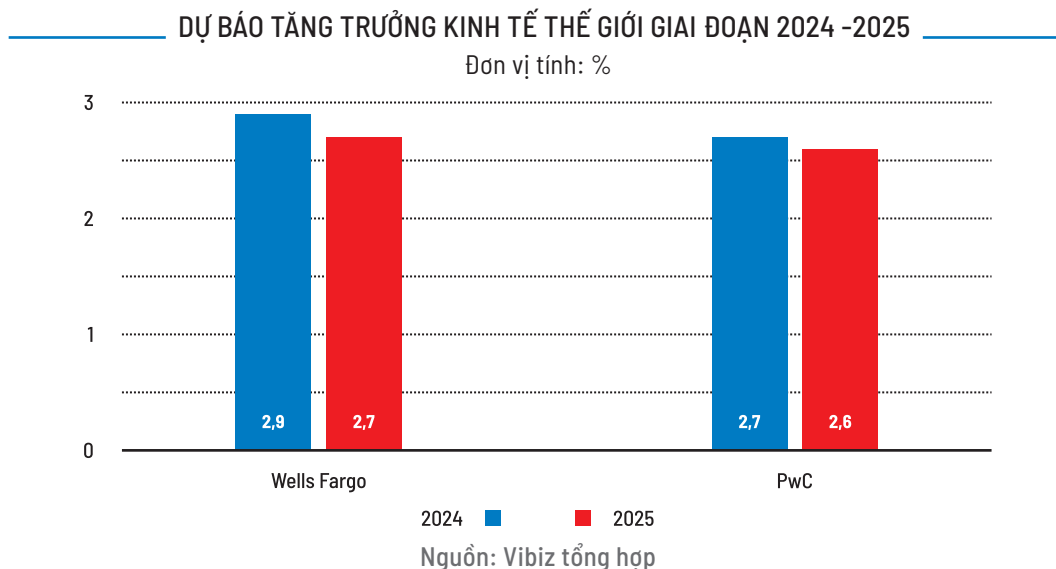
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 9/2024

Theo Chỉ số Rủi ro Toàn cầu của Euromonitor, *sự Phân mảnh Toàn cầu ngày càng sâu sắc vẫn là kịch bản bất lợi có tác động lớn nhất đến nền kinh tế toàn cầu trong quý 3 năm 2024*. Trong kịch bản này, bối cảnh thương mại toàn cầu ngày càng bị gián đoạn và phân mảnh do căng thẳng địa chính trị leo thang, do đó làm giảm hiệu quả, tăng chi phí và làm chậm tăng trưởng toàn cầu. Do đó, *GDP thực tế toàn cầu có thể tăng chậm hơn, 0,7-0,8 điểm phần trăm mỗi năm trong giai đoạn 2025-2026 so với mức cơ sở*.

Mặc dù nền kinh tế toàn cầu đang phải đối mặt với nhiều thách thức khác nhau nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế dự báo sẽ tương đối ổn định cho đến năm 2024 và có xu hướng giảm nhẹ trong năm 2025. Điều này phản ánh sự thận trọng về khả năng duy trì đà tăng trưởng bền vững trong bối cảnh các yếu tố bất ổn toàn cầu như chính trị, chính sách tiền tệ và các vấn đề chuỗi cung ứng.

Ngày 7/8, Ngân hàng Wells Fargo dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2024 sẽ đạt 2,9% và giảm nhẹ xuống còn 2,7% trong năm 2025.

Bên cạnh đó, với quan điểm thận trọng hơn, theo dự báo kinh tế toàn cầu công bố trong tháng 8 của Tổ chức tài chính PricewaterhouseCoopers (PwC), *PwC dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2024 sẽ đạt 2,7% và giảm xuống còn 2,6% trong năm 2025*.





PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 8/2024

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất của Việt Nam trong tháng 8/2024 đạt 52,4, giảm 2,3 điểm so với tháng 7/2024 (54,7 điểm), nhưng vẫn cho thấy mức cải thiện mạnh mẽ của các điều kiện kinh doanh vào thời điểm giữa quý 3. Các điều kiện hoạt động đã cải thiện hơn trong suốt năm tháng qua.

Các kết quả kinh tế - xã hội của Việt Nam trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2024 tiếp tục được đánh giá là vẫn đóng góp tích cực vào việc giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Cụ thể như sau:

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng 8/2024 tiếp tục xu hướng tăng trưởng tích cực, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 8/2024 ước tính tăng 2,0% so với tháng trước và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo tăng 10,6%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,9%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 12,6%; riêng ngành khai khoáng giảm 1,5%.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, IIP ước tính tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 0,2%).

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 8/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 70,65 tỷ USD, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước.

▪ Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 8/2024 sơ bộ đạt 37,59 tỷ USD, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 265,09 tỷ USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 73,88 tỷ USD, tăng 21%, chiếm 27,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 191,21 tỷ USD, tăng 13,9%, chiếm 72,1%.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu tám tháng năm 2024, nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 233,33 tỷ USD, chiếm 88%.

▪ *Nhập khẩu hàng hóa*

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 8/2024 sơ bộ đạt 33,06 tỷ USD, giảm 2,4% so với tháng trước và tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 246,02 tỷ USD, tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 89,58 tỷ USD, tăng 19,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 156,44 tỷ USD, tăng 16,5%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu tám tháng năm 2024, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 230,95 tỷ USD, chiếm 93,9%.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 8/2024 sơ bộ xuất siêu 4,53 tỷ USD. Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa sơ bộ xuất siêu 19,07 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 19,9 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 15,7 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 34,77 tỷ USD.

1.1.3. Hoạt động đầu tư

1.1.2.1. Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước

Trong tháng 8/2024, vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương tập trung đẩy mạnh thực hiện. Cụ thể, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 8/2024 ước đạt 62,1 nghìn tỷ đồng, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 363,1 nghìn tỷ đồng, bằng 47,8% kế hoạch năm và tăng 2,0% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 bằng 48,6% và tăng 24,5%).

1.1.2.2. Vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/8/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 20,52 tỷ USD, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước.

1.1.2.3. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 8 tháng đầu năm 2024 ước đạt 14,15 tỷ USD, tăng 8,0% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 8 tháng đầu năm 2024 có 75 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 148 triệu USD, giảm 39,4% so với cùng kỳ năm trước, có 17 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh giảm 736,7 triệu USD.

1.1.2.4. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

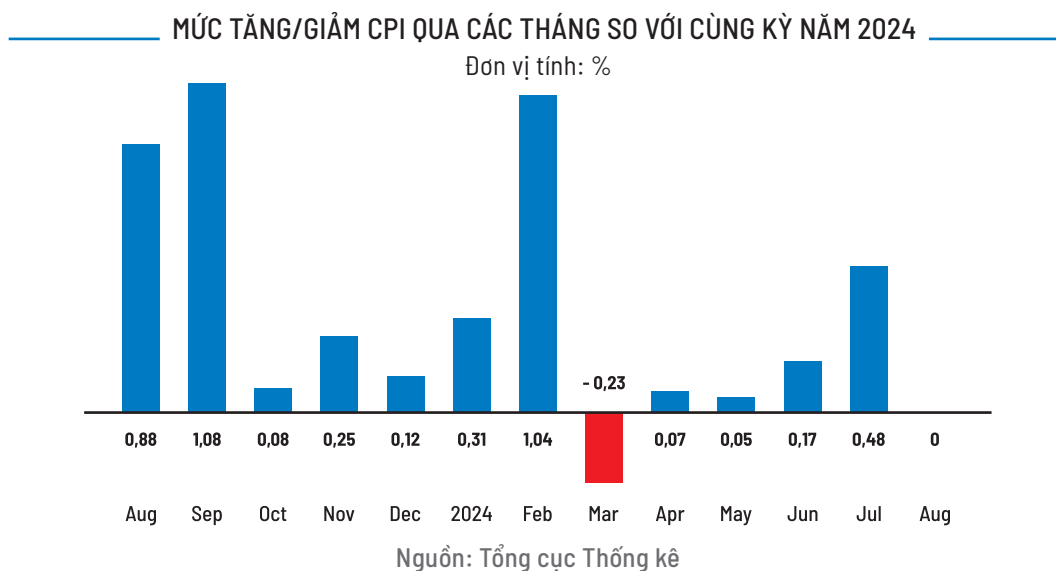
Trong tháng 8/2024, cả nước có 13,4 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 15,2% so với tháng 7/2024 và giảm 12,8% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả nước còn có gần 8,5 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động; có 5.334 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn; 5.160 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể; có 1.927 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 11,4% và tăng 26,0%.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2024, cả nước có 168,1 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động; bình quân một tháng có hơn 21 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 135,3 nghìn doanh nghiệp; bình quân một tháng có hơn 16,9 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

1.1.4. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2024 ổn định so với tháng trước. So với tháng 12/2023, CPI tháng 8 tăng 1,89% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,45%. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 10 nhóm có chỉ số giá tăng nhẹ, riêng nhóm giao thông giảm giá so với tháng trước.

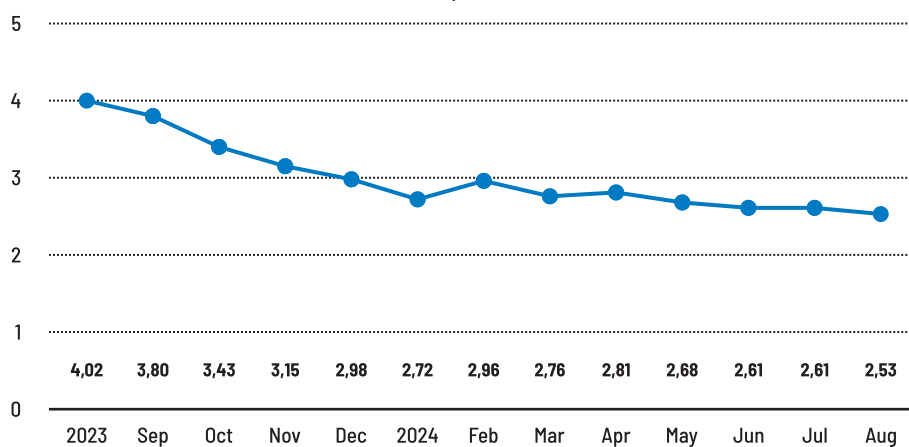
Bình quân 8 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 4,04% so với cùng kỳ năm trước.



Lạm phát cơ bản tháng 8/2024 tăng 0,24% so với tháng trước, tăng 2,53% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với cùng kỳ năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (4,04%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế và xăng dầu là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

LẠM PHÁT CƠ BẢN QUA CÁC THÁNG

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng và lãi suất

1.2.1.1. Tăng trưởng tín dụng tháng 8

Trong tháng 8/2024, tốc độ tăng trưởng tín dụng tăng nhẹ, tuy nhiên vẫn còn ở mức thấp. Tính đến ngày 26/8, tín dụng toàn hệ thống mới chỉ tăng 6,63% so với cuối năm 2023, thấp hơn nhiều so với mục tiêu tăng trưởng tín dụng toàn ngành mà của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đưa ra đầu năm là khoảng 15%.

Bên cạnh đó, mức tăng trưởng tín dụng của các tổ chức tín dụng không đồng đều, có nơi tăng trưởng thấp, thậm chí tăng trưởng âm trong khi một số tăng sát chỉ tiêu NHNN đã thông báo. Tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng ở TP.HCM chưa bứt phá như kỳ vọng trong bối cảnh doanh nghiệp vẫn còn gặp khó. Ngược lại, tại Hà Nội, tín dụng có sự bứt phá mạnh mẽ, gấp đôi mức tăng trưởng chung của toàn ngành.

Theo ước đến cuối tháng 8/2024, tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng (TCTD) trên địa bàn TP. Hà Nội đạt 4.103 nghìn tỷ đồng, tăng 1,15% so với cuối tháng trước và tăng 13,44% so với thời điểm kết thúc năm 2023. Trong đó dư nợ ngắn hạn đạt 1.790 nghìn tỷ đồng, tăng 1,73% và tăng 18,96%; dư nợ trung hạn và dài hạn đạt 2.313 nghìn tỷ đồng, tăng 0,71% và tăng 9,51%. Tính đến cuối tháng 8/2024, tỷ lệ nợ xấu của các TCTD trên địa bàn Thủ đô chiếm 1,69% trong tổng dư nợ.

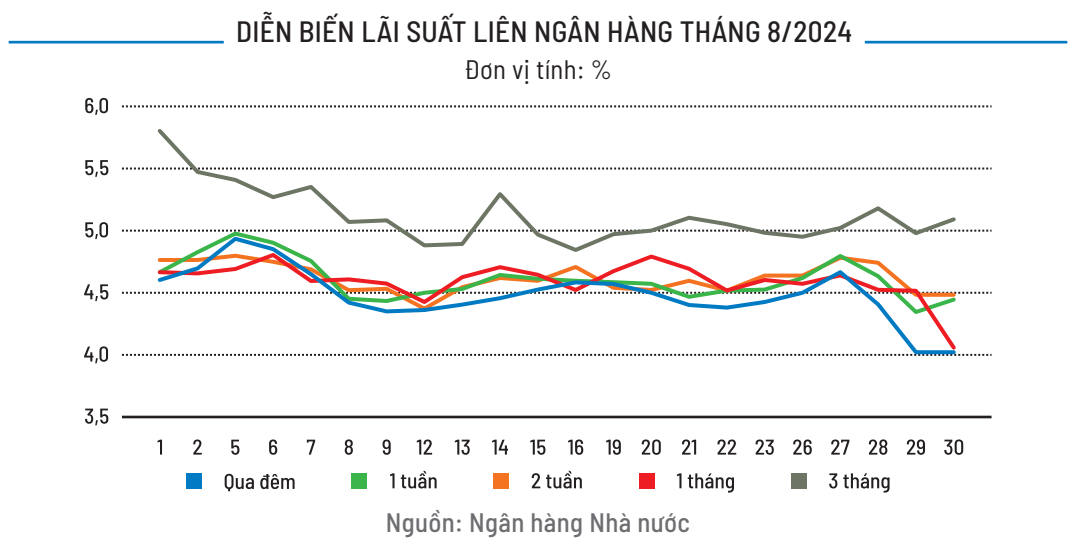
Trong khi đó, tính đến cuối tháng 8/2024, dư nợ tín dụng tại TP.HCM ước tăng 4,5% so với cuối năm 2023 và tăng 11,4% so với cùng kỳ. Con số này thấp hơn nhiều so với mức tăng trưởng tín dụng chung của cả nước ở mức 6,63% (thống kê đến 26/8). Đáng chú ý, tốc độ tăng trưởng tín dụng tại TP.HCM có xu hướng chậm lại trong thời gian gần đây, khi tín dụng tháng 6 tăng 4% nhưng qua tháng 7 chỉ tăng 3,9% và đến tháng 8/2024 bật tăng lên 4,5% so với cuối năm 2023.

Ngoài ra, ngày 28/8, Ngân hàng Nhà nước đã có văn bản gửi các tổ chức tín dụng thông báo mức tăng trưởng tín dụng tăng thêm cho các nhà băng trên nguyên tắc cụ thể, đảm bảo công khai, minh bạch. Theo đó, tổ chức tín dụng nào có tốc độ tăng trưởng tín dụng năm đạt từ 80% sẽ được chủ động điều chỉnh tăng thêm dư nợ tín dụng dựa (trên cơ sở điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng).

Nhìn chung, trong 8 tháng đầu năm, tăng trưởng tín dụng vẫn còn chậm đã khiến nhà điều hành phải chủ động điều chỉnh hạn mức (room) cho từng nhà băng mà không yêu cầu nhà băng đó phải gửi đề nghị cấp thêm. Nguyên nhân là do nhu cầu thị trường vẫn chưa tăng trưởng mạnh và đối mặt với nhiều rủi ro. Tiêu dùng trong nước đang phục hồi chậm, trong khi các doanh nghiệp vẫn chưa tận dụng được cơ hội đến từ sự phục hồi của thị trường xuất khẩu. Điều này kết hợp với môi trường kinh tế vĩ mô còn nhiều rủi ro và bất định khiến các doanh nghiệp nội địa hoãn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh. Đồng thời, tình hình nợ xấu có xu hướng gia tăng khiến các ngân hàng thắt chặt hơn với các tiêu chuẩn cho vay nhằm bảo toàn thanh khoản phòng ngừa cho các biến cố trong hệ thống, trong khi các doanh nghiệp nội địa vừa và nhỏ không có nhiều tài sản cầm cố giá trị sẽ là đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp.

1.2.1.2. Lãi suất

Trong tháng 8/2024, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) áp dụng lãi suất tái chiết khấu ở mức 3%, lãi suất tái cấp vốn 4,5%. Bên cạnh đó, trong tháng qua, lãi suất liên ngân hàng liên tục có sự biến động, đặc biệt là lãi suất kỳ hạn qua đêm. Lãi suất qua đêm đã tăng vọt, đạt mức cao nhất trong vòng 8 tháng đầu năm 2024, do ảnh hưởng từ một số yếu tố như sự điều chỉnh của chính sách tiền tệ và tình trạng thanh khoản trên thị trường. Mức lãi suất kỳ hạn qua đêm dao động từ 4,4% đến 6,2% tùy thuộc vào ngân hàng và kỳ hạn khác nhau.



Tính đến tháng 8/2024, tỷ lệ dự trữ bắt buộc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với các loại tiền gửi vẫn không thay đổi so với những tháng trước. Cụ thể:

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 9/2024

TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC THÁNG 8/2024

LOẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG	Tiền gửi VND		Tiền gửi ngoại tệ		
	Không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Tiền gửi của tổ chức tín dụng ở nước ngoài	Tiền gửi khác không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Tiền gửi khác có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên
Quỹ tín dụng nhân dân	0%	0%	0%	0%	0%
Ngân hàng chính sách	Theo quy định của Chính phủ				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Ngân hàng hợp tác xã	3%	1%	1%	7%	5%
Tổ chức tín dụng khác	3%	1%	1%	8%	6%

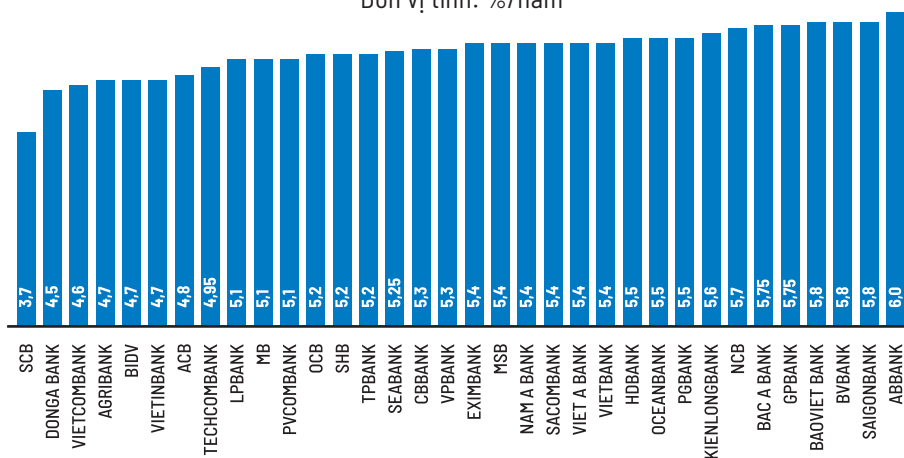
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Đối với lãi suất huy động: Trong tháng 8/2024, thị trường ghi nhận 15 ngân hàng tăng lãi suất, bao gồm: Agribank, Eximbank, HDBank, Sacombank, Saigonbank, TPBank, CB, VIB, DongA Bank, VPBank, Techcombank, VietBank, SHB, PVCbank và Nam A Bank. Trong đó, Sacombank, VietBank, DongA Bank, Techcombank, Eximbank và HDBank là những ngân hàng đã có hai lần tăng lãi suất.

Lãi suất tiền gửi phổ biến ở mức 0,2 - 0,5%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 1,6 - 5,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 3,5 - 5,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 3,7 - 6,0%/năm.

LÃI SUẤT HUY ĐỘNG KỲ HẠN 12 THÁNG TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG THÁNG 8/2024

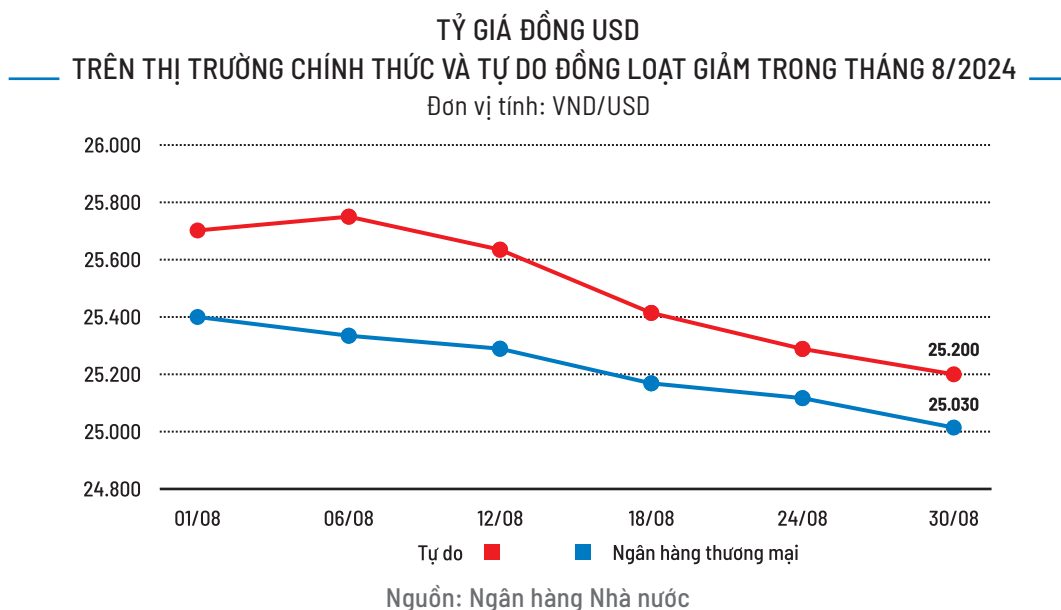
Đơn vị tính: %/năm



Nguồn: Tạp chí Thương gia

1.2.2. Tỷ giá/ ngoại tệ

Trong tháng 8/2024, tỷ giá USD/VND giảm mạnh, giá USD đã có thời điểm giảm xuống dưới mốc 25.000 đồng. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 8/2024 giảm 0,64% so với tháng trước, tăng 3,55% so với tháng 12/2023, tăng 5,86% so với cùng kỳ năm trước, bình quân 8 tháng đầu năm 2024 tăng 5,85%. Mức giảm của USD so với VND đã tạo ra áp lực giảm giá đối với các hoạt động xuất khẩu, nhưng đồng thời cũng mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp nhập khẩu nhờ giảm chi phí nhập khẩu hàng hóa.



1.2.3. Chỉ số giá vàng

Chỉ số giá vàng tháng 8/2024 tăng 1,93% so với tháng trước; tăng 20,4% so với tháng 12/2023; tăng 31,05% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 8 tháng đầu năm 2024, chỉ số giá vàng tăng 25,54%.

1.2.4. Chứng khoán

Trong tháng 8/2024, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận sự biến động mạnh, các chỉ số VN-Index, VNIshare và VN30 đều ghi nhận tăng lần lượt 2,59%, 2,24% và 2,5% so với tháng trước, tuy nhiên, thanh khoản lại có sự sụt giảm.

Về thanh khoản, thị trường cổ phiếu có khối lượng giao dịch bình quân đạt hơn 649 triệu cp/ngày với giá trị giao dịch bình quân hơn 16.476 tỷ đồng/ngày, tương ứng tăng 2,57% về khối lượng và giảm 2,21% về giá trị so với tháng 7/2024.

Bên cạnh đó, tổng giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài trong tháng 8/2024 đạt trên 78.746 tỷ đồng, chiếm hơn 10,86% tổng giá trị giao dịch của toàn thị trường. Nhà đầu tư nước ngoài đã thực hiện bán ròng trong tháng với giá trị hơn 3.278 tỷ đồng.

Về các nhóm ngành, nhóm các cổ phiếu ngành dầu khí, hóa chất, công nghệ, viễn thông, cao su đều tăng nhẹ 1 - 2% so với tháng trước. Đặc biệt nhóm bất động sản đã tăng trưởng mạnh đạt 5,1% trong tháng 8.

Đặc biệt, trong những tháng cuối năm 2024, nhóm cổ phiếu năng lượng như PVD, PVS, PVT, GAS, BSR... được dự báo sẽ tiếp tục biến động theo xu hướng giá dầu toàn cầu và chính sách năng lượng của nhà nước. Việc giá dầu có khả năng duy trì ở mức cao do nguồn cung thắt chặt và nhu cầu gia tăng trong mùa đông có thể tạo ra động lực tích cực cho các doanh nghiệp dầu khí. Đồng thời, những thay đổi trong chính sách đầu tư vào các dự án khai thác và năng lượng tái tạo cũng sẽ tác động mạnh đến triển vọng của nhóm cổ phiếu này.

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian tới sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội, khi các yếu tố như lãi suất, tỷ giá và chính sách kinh tế trong nước cũng như quốc tế tiếp tục ảnh hưởng mạnh mẽ đến tâm lý nhà đầu tư và xu hướng giao dịch. Dự báo thị trường chứng khoán 4 tháng cuối năm 2024 sẽ diễn ra theo 2 kịch bản sau:

Kịch bản 1: Áp lực bán suy yếu, các thông tin tích cực thúc đẩy thị trường sau kỳ nghỉ lễ dài. Một cây nến tăng khẳng định xu hướng với thanh khoản lớn vượt kháng cự 1.290 - 1.300 điểm.

Kịch bản 2: VN-Index điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ gần nhất 1.250 - 1.260 điểm khi động lực đến từ phía cầu vẫn tiếp tục yếu.

1.2.5. Thuế

Trong tháng 8/2024, cơ quan thuế và hải quan tiếp tục triển khai các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất đã ban hành để hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Tổng số tiền đã miễn, giảm, gia hạn ước tính đến hết tháng 8 khoảng 89,9 nghìn tỷ đồng.

Ngoài ra, việc thực hiện chính sách giảm 2% thuế giá trị gia tăng (GTGT) một số mặt hàng theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ tác động làm giảm số thu thuế giá trị gia tăng 8 tháng đầu năm khoảng 12 nghìn tỷ đồng.

Tính đến ngày 15/8/2024, cơ quan thuế đã thực hiện 34,8 nghìn cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm tra 365,3 nghìn hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp, kiến nghị xử lý tài chính khoảng 30,9 nghìn tỷ đồng, trong đó kiến nghị thu nộp ngân sách nhà nước khoảng 9 nghìn tỷ đồng, giảm khấu trừ và giảm lỗ gần 21,9 nghìn tỷ đồng, đôn đốc thu hồi và xử lý nợ đọng thuế ước đến hết tháng 8 đạt 53,8 nghìn tỷ đồng.

Đáng chú ý, kể từ ngày 1/8/2024 thì thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân (TNCN) từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác định theo giá đất trong bảng giá đất. Trong khi đó, thu nhập chịu thuế TNCN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản khác (không phải là quyền sử dụng đất) thì vẫn được xác định theo giá chuyển nhượng từng lần như hiện nay.

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

▪ *Sửa đổi một số quy định trong việc mua, bán ngoại tệ giữ dự trữ ngoại hối*

Ngày 9/8/2024, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 43/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2014/TT-NHNN ngày 10/12/2014 hướng dẫn việc tổ chức thực hiện hoạt động quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 23/9/2024. Theo đó, Thông tư 43/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Điều 9 Thông tư 01/2014/TT-NHNN về việc mua, bán ngoại tệ giữa dự trữ ngoại hối chính thức với ngân sách nhà nước như sau:

- *Mua ngoại tệ từ ngân sách Nhà nước:* Căn cứ vào kế hoạch bán ngoại tệ hàng năm của ngân sách Nhà nước và văn bản đề nghị bán ngoại tệ của Bộ Tài chính và/hoặc các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước thực hiện mua ngoại tệ bổ sung dự trữ ngoại hối Nhà nước từ ngân sách nhà nước với tỷ giá quy định.
- *Bán ngoại tệ cho ngân sách nhà nước:* Căn cứ văn bản đề nghị mua ngoại tệ của Bộ Tài chính để đáp ứng nhu cầu ngoại tệ cho ngân sách nhà nước, Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ xây dựng phương án cân đối bán ngoại tệ cho ngân sách nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt và thông báo với Bộ Tài chính.
- *Căn cứ vào phương án cân đối bán ngoại tệ đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt,* Cục Quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước thực hiện việc bán ngoại tệ cho ngân sách nhà nước với tỷ giá quy định.
- *Tỷ giá mua, bán ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước:* Trường hợp mua, bán USD, tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ bằng tỷ giá mua, bán giao ngay tại phương án can thiệp; nếu tại thời điểm thực hiện không có phương án can thiệp hoặc tại phương án can thiệp không có nội dung về tỷ giá giao ngay thì áp dụng tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ bằng tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước công bố áp dụng đối với ngày thực hiện giao dịch.
- *Trường hợp mua, bán ngoại tệ khác ngoài USD,* tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ được áp dụng trên cơ sở tỷ giá tính chéo của tỷ giá xác định tại điểm nêu trên và tỷ giá bình quân của giá mua và giá bán giữa loại ngoại tệ được mua, bán và USD được niêm yết trên thị trường ngoại hối quốc tế thông qua hệ thống mạng thông tin Refinitiv hoặc Bloomberg trước 10 giờ sáng của ngày giao dịch.

▪ *Đề xuất cắt giảm nhiều thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu*

Thực hiện Nghị quyết số 68/NĐ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, Bộ Công Thương đề xuất cắt giảm nhiều thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu. Cụ thể:

▪ Với yêu cầu “**Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu**”: Bộ Công Thương đề xuất, bỏ điều kiện “**Có phương tiện vận tải xăng dầu nội địa thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ 5 năm trở lên**”. Để thực thi, Bộ Công Thương đề xuất sửa đổi khoản 4 Điều 7 về điều kiện đối với thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP (Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 3/9/2014 về kinh doanh xăng dầu).

▪ Với nội dung **Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu**: Bộ Công Thương cũng đề xuất bỏ các điều kiện kinh doanh đối với thương nhân phân khối xăng dầu bao gồm: Kho, bể chứa xăng dầu, phương tiện vận tải xăng dầu, phòng thử nghiệm xăng dầu. Cụ thể, Bộ Công Thương kiến nghị bãi bỏ khoản 2 Điều 13: “**Có kho, bể dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) trở lên**”; khoản 3 Điều 13: “**Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) trở lên**”; khoản 4 Điều 13: “**Có phòng thử nghiệm thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc có hợp đồng dịch vụ thuê cơ quan nhà nước có phòng thử nghiệm đủ năng lực kiểm tra, thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng xăng dầu phù hợp quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng**”.

Các nội dung sửa đổi sẽ được thực hiện sau khi dự thảo Nghị định về kinh doanh xăng dầu được ban hành.

▪ **Đề xuất cho doanh nghiệp tư nhân tham gia dự trữ xăng dầu quốc gia**

Trong khi chưa có đủ tiềm lực để xây dựng kho dự trữ quốc gia xăng dầu, Bộ Công Thương đã đề xuất cho phép doanh nghiệp tư nhân tham gia hoạt động dự trữ xăng dầu. Cụ thể, Bộ Công Thương đề xuất thống nhất chủ trương cho phép Bộ tiếp tục ký hợp đồng với các doanh nghiệp đang bảo quản xăng dầu dự trữ quốc gia như đã thực hiện trước đây, hàng dự trữ quốc gia được bảo quản chung với hàng kinh doanh cho đến khi có kho dự trữ quốc gia xăng dầu riêng hoặc đủ điều kiện để lựa chọn doanh nghiệp thuê bảo quản riêng xăng dầu dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bộ Công Thương đề xuất Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính chủ trì, khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc ban hành quy chuẩn dự trữ quốc gia xăng dầu để có đủ cơ sở thực hiện việc bảo quản riêng xăng dầu dự trữ quốc gia.

▪ **Đề xuất thêm đối tượng nộp thuế GTGT là nhà cung cấp nước ngoài**

Bộ Tài chính đề xuất bổ sung thêm các trường hợp tổ chức, cá nhân là nhà cung cấp nước ngoài thuộc diện phải nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT). Theo đó, bổ sung thêm vào Điều 4 Dự thảo Luật ba trường hợp thuộc phạm vi đối tượng “**người nộp thuế giá trị gia tăng**”. Các đối tượng được bổ sung bao gồm:

- **Thứ nhất:** các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; các tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh tại Việt Nam mua hàng hóa dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí của tổ chức, cá nhân nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam.
- **Thứ hai:** các nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam; các tổ chức là nhà quản lý nền tảng số nước ngoài khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp nước ngoài; tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp tính thuế GTGT là phương pháp khấu trừ thuế mua dịch vụ của nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thông qua kênh thương mại điện tử hoặc các nền tảng số khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp nước ngoài.
- **Thứ ba:** tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử trong nước có chức năng thanh toán kê khai, nộp thuế thay hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên sàn thương mại điện tử.

Riêng đối với trường hợp thứ hai như bổ sung kể trên, Ủy ban Tài chính Ngân sách của Quốc hội đề xuất Chính phủ quy định chi tiết về người nộp thuế trong trường hợp nhà cung cấp nước ngoài cung cấp dịch vụ cho người mua là tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, bảo đảm thống nhất, rõ ràng trong thực hiện và đáp ứng các yêu cầu về quản lý.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

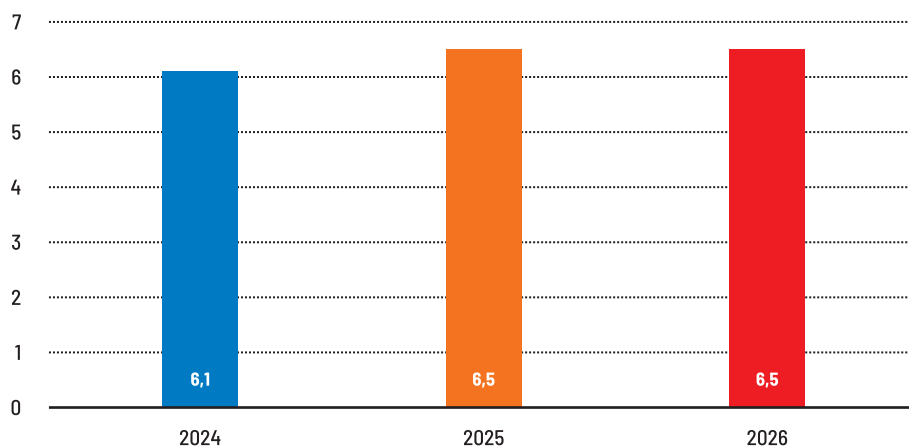
Trong tháng 8/2024, nhiều tổ chức quốc tế đã đồng loạt đưa ra các dự báo lạc quan về tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Những nhận định này không chỉ thể hiện sự linh hoạt vượt trội mà còn khẳng định tiềm năng phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam, bất chấp các thách thức đến từ bất ổn kinh tế toàn cầu và tình hình phức tạp của các đối tác thương mại quốc tế.

Ngày 26/8, Ngân hàng Thế giới (World Bank) đã nâng dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam lên 6,1% trong năm 2024 nhờ sự phục hồi của xuất khẩu, du lịch, tiêu dùng và đầu tư, sau đó tăng trưởng 6,5% trong cả 2 năm 2025 và 2026. Trước đó, tại dự báo được đưa ra hồi tháng 4/2024, World Bank đã đưa ra dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam chỉ đạt 5,5% vào năm 2024 và tăng dần lên 6% vào năm 2025.

Ngoài ra, theo World Bank, một trong những thách thức lớn đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là sự bất định trong nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là khi tốc độ tăng trưởng của các đối tác thương mại chính như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu và Trung Quốc có thể không đạt mức dự kiến.

WORLD BANK DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2024 - 2026

Đơn vị tính: %



Nguồn: World Bank

Đồng quan điểm cho rằng kinh tế Việt Nam sẽ có triển vọng tích cực trong năm nay, ngày 28/8, Ngân hàng *United Overseas Bank (UOB)* dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2024 dự báo sẽ đạt 6% và có triển vọng vượt con số này. Nguyên nhân là nhờ hiệu suất mạnh mẽ của các ngành như sản xuất, điện tử, đồ nội thất và ô tô.



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung dầu mỏ:*

Trong tháng 8, thị trường dầu mỏ toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều biến động lớn, khiến nguồn cung dầu bị thắt chặt.

Nga đã gia hạn lệnh cấm xuất khẩu xăng dầu từ tháng 8 đến tháng 10 để đảm bảo đáp ứng nhu cầu nội địa, sau khi nhu cầu xăng dầu trong nước tăng mạnh vào mùa xuân và mùa hè.

Bên cạnh đó, Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) cũng gặp khó khăn trong việc duy trì sản lượng ổn định. Sản lượng dầu thô của OPEC trong tháng 8 giảm 70.000 thùng mỗi ngày, xuống còn 27,06 triệu thùng/ngày. Sự sụt giảm chủ yếu do các mỏ dầu ở miền đông Libya bị đóng cửa vì những bất ổn chính trị, khiến sản lượng dầu thô của nước này giảm 150.000 thùng/ngày. Điều này đã gây ra tình trạng khan hiếm nguồn cung dầu nghiêm trọng trên thị trường.

Trong khi đó, sản xuất dầu tại Mỹ lại cao kỷ lục, với 13,4 triệu thùng một ngày trong tháng 8, giúp bù đắp phần nào sự thiếu hụt nguồn cung dầu trên thị trường.

▪ *Cầu dầu mỏ:*

Trong tháng 8 năm 2024, nhu cầu dầu mỏ toàn cầu có nhiều diễn biến trái chiều, trong khi nhu cầu tại châu Á phục hồi mạnh mẽ, thì châu Âu và Mỹ lại đang trải qua giai đoạn suy giảm.

Tại châu Âu, nhu cầu dầu giảm nhẹ do nhiều yếu tố, bao gồm sự chậm lại của nền kinh tế, chi phí năng lượng cao. Đồng thời, việc đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo và các biện pháp tiết kiệm năng lượng đã khiến tiêu thụ xăng dầu trong khu vực này giảm, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp và giao thông vận tải.

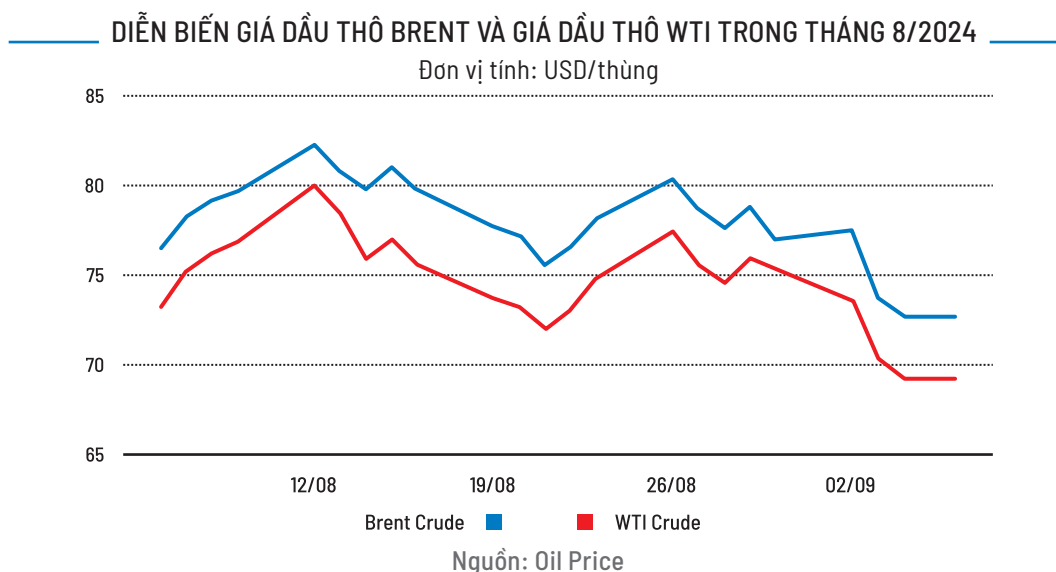
Tại Mỹ, nhu cầu xăng dầu giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, nhờ vào nguồn cung dồi dào từ các nhà máy lọc dầu tăng sản lượng sau khi hoàn tất các đợt bảo trì mùa xuân.

Trái ngược với Mỹ, tại châu Á, khu vực tiêu thụ dầu lớn nhất thế giới nhu cầu dầu thô đã tăng mạnh. Tổng lượng nhập khẩu dầu thô của châu Á trong tháng 8 dự kiến đạt 26,74 triệu thùng mỗi ngày, tăng đáng kể so với mức 24,56 triệu thùng/ngày của tháng trước. Sự tăng trưởng này phản ánh nhu cầu phục hồi tại các nền kinh tế lớn như Trung Quốc và Ấn Độ, nơi các hoạt động sản xuất và công nghiệp đang quay trở lại sau những tháng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế và địa chính trị.

Ngoài ra, một số quốc gia tại Đông Nam Á, như Indonesia và Việt Nam cũng đã tăng cường nhập khẩu dầu thô để đáp ứng nhu cầu nội địa, phục vụ cho các ngành công nghiệp chế tạo và xuất khẩu nhằm phục hồi kinh tế sau đại dịch và duy trì tăng trưởng.

▪ *Diễn biến giá:*

Trong tháng 8/2024, giá dầu thế giới giảm 2,4% do nhu cầu yếu tại Mỹ và châu Âu, trong khi nguồn cung vẫn dồi dào từ các nhà máy lọc dầu sau đợt bảo trì. Mặc dù bất ổn chính trị tại Trung Đông và Libya ảnh hưởng đến nguồn cung, nhưng không đủ để ngăn giá giảm khi thị trường vẫn cân bằng giữa yếu tố cung cầu.

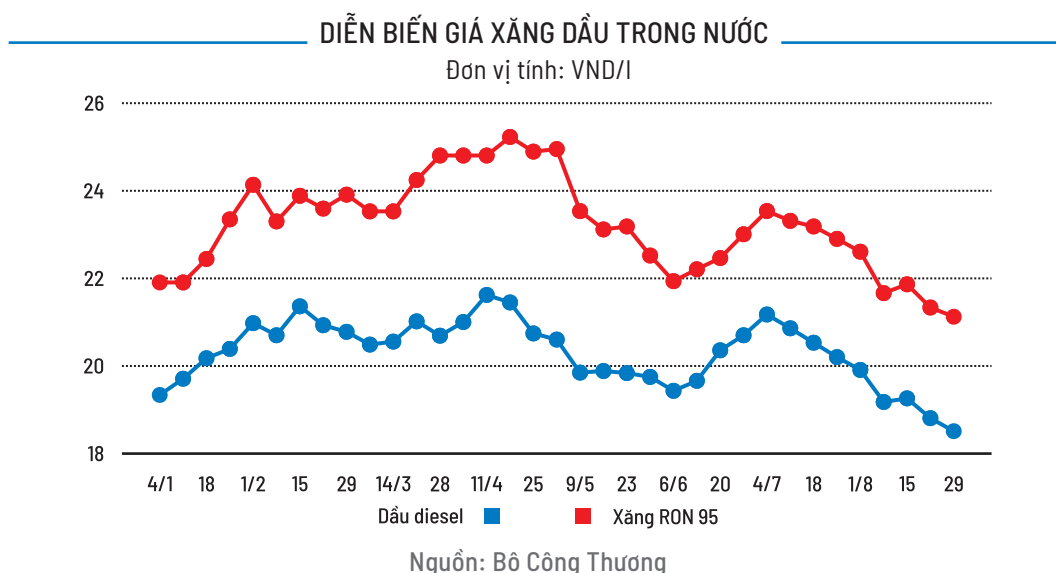


1.1.2. Thị trường trong nước

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Việt Nam đã chi 5,5 tỷ USD để nhập khẩu 8,7 triệu tấn dầu thô, tăng cả về lượng và kim ngạch so với cùng kỳ năm 2023. Sự gia tăng này phản ánh sự giảm dần sản lượng khai thác dầu trong nước, khi các mỏ dầu truyền thống bước vào giai đoạn suy kiệt. Để duy trì công suất hoạt động của các nhà máy lọc dầu lớn như Dung Quất và Nghi Sơn, Việt Nam phải phụ thuộc vào nguồn dầu thô nhập khẩu. Đồng thời, việc nhập khẩu xăng dầu thành phẩm cũng cần bổ sung khoảng 30% để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước.

Về tình hình kinh doanh xăng dầu, trong tháng qua tiếp tục có thêm nhiều cửa hàng xăng dầu phải đóng cửa, số lượng cửa hàng giảm từ khoảng 12.000 xuống dưới 8.000. Tuy nhiên, số lượng cây xăng đóng cửa chỉ chiếm khoảng hơn 6% trong tổng số cây xăng cả nước, nên tác động không đáng kể đến thị trường. Mặt khác, các doanh nghiệp như Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil), Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội (Mipec), Công ty TNHH MTV Dầu khí TPHCM (Saigonpetro)... cung ứng lên tới khoảng 80% tổng lượng xăng dầu trên thị trường nên nguồn cung vẫn được duy trì ổn định.

Về diễn biến giá xăng dầu, trong tháng 8, việc đồng USD giảm giá giúp giá xăng dầu nhập khẩu trở nên rẻ hơn dẫn đến giá xăng dầu trong nước giảm 5,83% so với tháng trước. Dự địa quỹ bình ổn giá xăng dầu của một số doanh nghiệp đầu mối vẫn ghi nhận mức dương lớn do nhiều kỳ điều hành gần đây không sử dụng quỹ. Trong đó, tính đến ngày 28/8, Petrolimex ghi nhận mức dương quỹ 3.078 tỷ đồng; PV Oil âm quỹ hơn 138 tỷ đồng; Saigon Petro dương 328 tỷ đồng; Petimex dương 460 tỷ đồng.



1.2. Dự báo

1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung dầu mỏ:

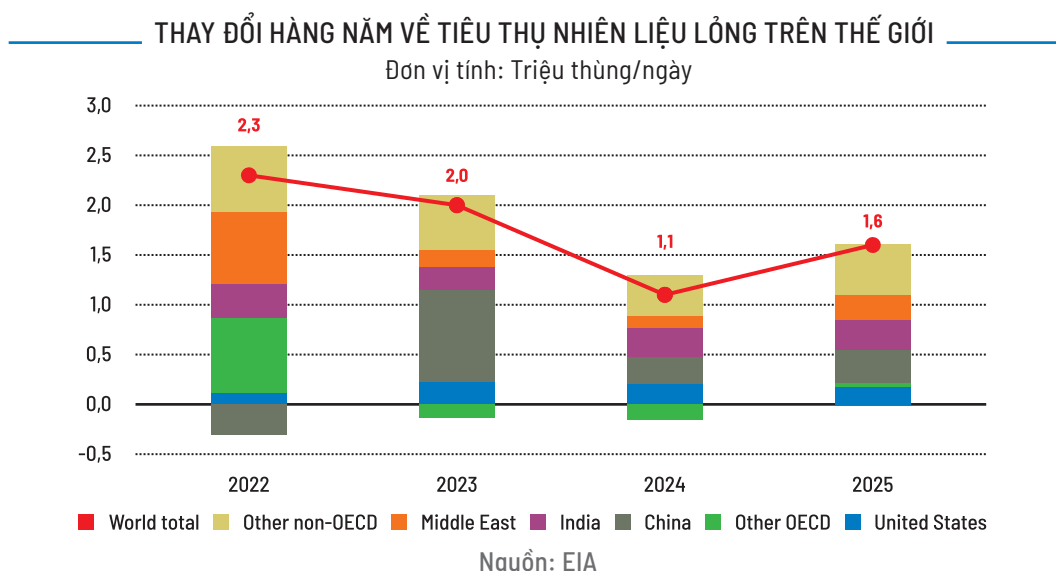
Ngày 1/8, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các đồng minh (OPEC+) đã tái khẳng định cam kết gia hạn cắt giảm sản lượng tự nguyện 2,2 triệu thùng mỗi ngày đến hết tháng 9/2024 và mức cắt giảm sẽ thu hẹp dần hàng tháng cho đến hết tháng 9/2025.

Bên cạnh đó, ngày 13/8, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) dự báo mức tăng sản lượng dầu toàn cầu sẽ đạt trung bình 730.000 thùng/ngày, nâng tổng cung dầu lên mức kỷ lục 102,9 triệu thùng/ngày trong năm 2024.

▪ **Cầu dầu mỏ:**

Trong tháng 8, dự báo nhu cầu dầu trong năm nay của các tổ chức quốc tế có sự chênh lệch lớn, nguyên nhân chủ yếu do những khác biệt trong nhận định về Trung Quốc và tốc độ chuyển đổi năng lượng toàn cầu. Trong đó, Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) vẫn có dự báo lạc quan hơn cả so với mặt bằng chung, cao hơn hẳn mức dự đoán của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) và Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA).

Ngày 6/8, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo mức tiêu thụ nhiên liệu lỏng toàn cầu sẽ tăng 1,1 triệu thùng mỗi ngày vào năm 2024 và 1,6 triệu thùng mỗi ngày vào năm 2025. Trong đó, Mỹ sẽ chiếm 20,45 triệu thùng mỗi ngày trong tổng số năm 2024 và 20,63 triệu thùng mỗi ngày trong tổng số năm 2025, trong khi Trung Quốc sẽ chiếm 16,34 triệu thùng mỗi ngày trong tổng số năm nay và 16,66 triệu thùng mỗi ngày trong tổng số năm 2025.

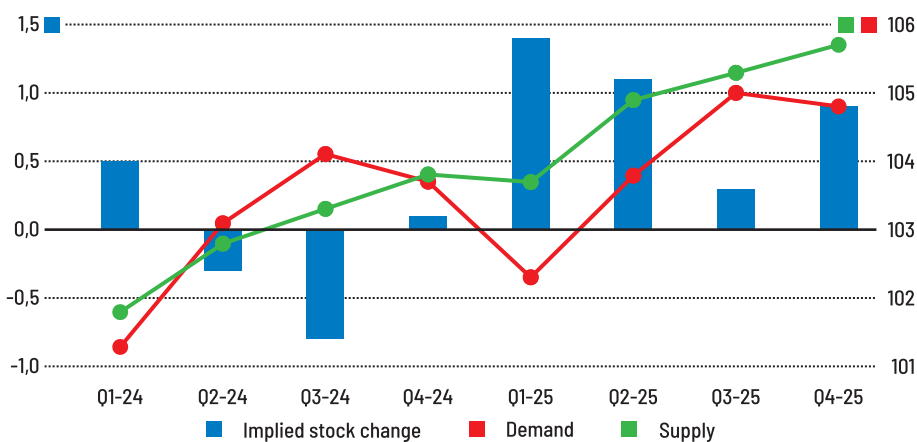


Bên cạnh đó, ngày 12/8, Tổ chức các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) đã hạ dự báo về tăng trưởng nhu cầu toàn cầu vào năm 2024 xuống 135.000 thùng/ngày. Nguyên nhân chính cho việc điều chỉnh giảm dự báo là triển vọng tăng trưởng nhu cầu của Trung Quốc trong năm nay yếu hơn. Tuy nhiên, ngay cả khi điều chỉnh giảm, OPEC vẫn dự báo tiêu thụ dầu sẽ ở mức 2,1 triệu thùng/ngày, đạt trung bình 104,3 triệu thùng/ngày.

Với những nhận định cẩn trọng hơn về tác động của kinh tế Trung Quốc lên thị trường dầu, ngày 13/8, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đã giữ nguyên dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu năm 2024 là 970.000 thùng/ngày nhưng cắt giảm nhu cầu cho năm 2025 xuống còn 950.000 thùng/ngày (giảm 30.000 thùng/ngày so với dự báo trước đó).

TRIỂN VỌNG CUNG/CẦU DẦU TOÀN CẦU CỦA IEA

Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày



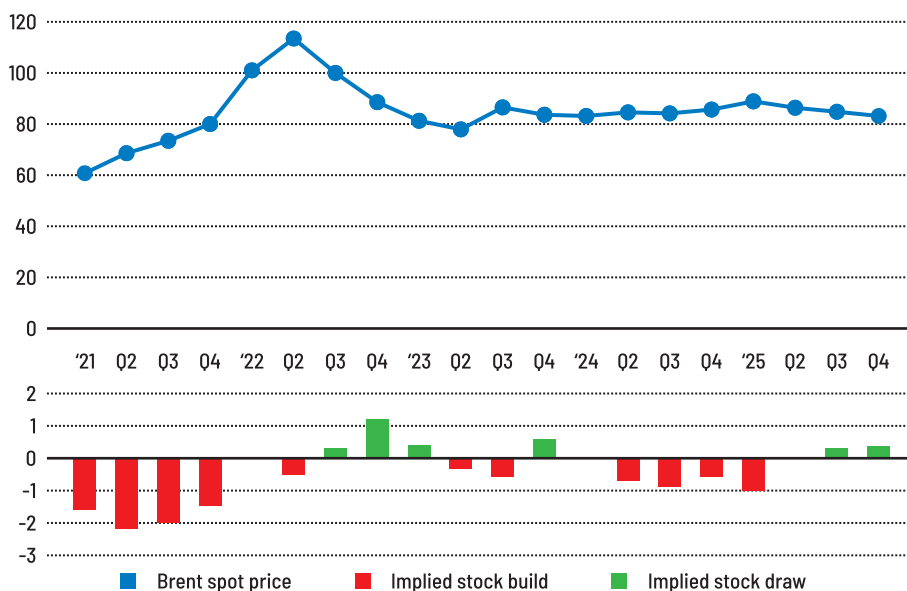
Nguồn: IEA

▪ **Diễn biến giá:**

EIA dự báo giá dầu thô Brent giao ngay sẽ tăng từ mức hiện tại dưới 80 USD/thùng lên trung bình 85 USD/thùng trong thời gian còn lại của năm 2024.

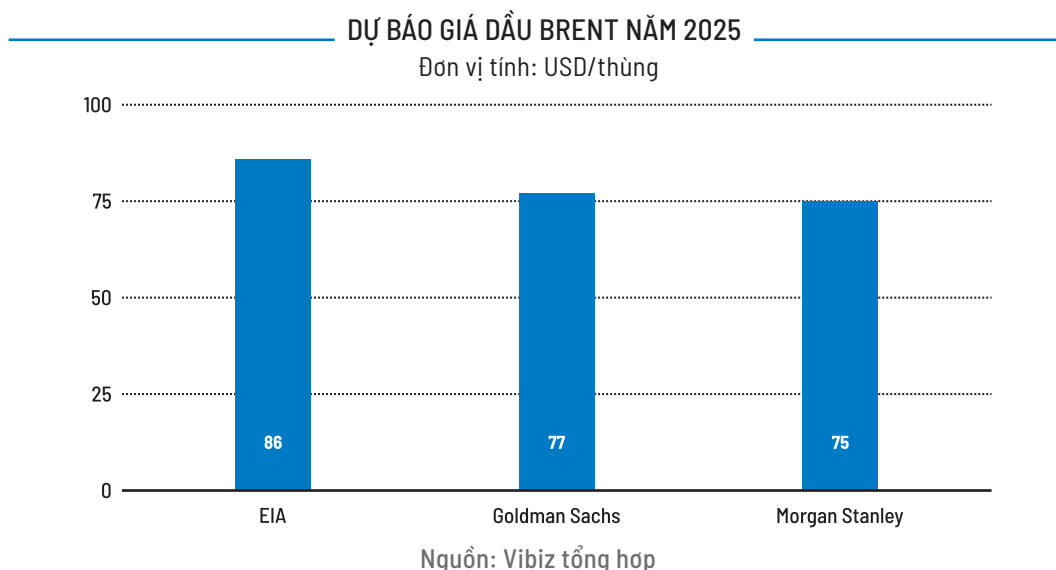
DỰ BÁO GIÁ DẦU BRENT TRONG NĂM 2024

Đơn vị tính: USD/thùng



Nguồn: EIA

Bên cạnh đó, về dự báo giá dầu trong năm 2025, EIA dự báo giá dầu Brent trung bình sẽ đạt 86 USD/thùng. Trong khi đó, cả Goldman Sachs và Morgan Stanley đều hạ dự báo giá dầu xuống lần lượt 77 USD/thùng và 75 USD/thùng, do cả hai đều kỳ vọng thị trường dầu thô sẽ thặng dư, dẫn đến xu hướng giảm giá trong 12 tháng tới.



1.2.2. Thị trường trong nước

Trong những tháng cuối năm 2024, BSC Research dự báo thị trường phân phối xăng dầu tại Việt Nam có nhiều dư địa để phát triển dài hạn. Cụ thể, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu ở Việt Nam dự kiến sẽ duy trì mức tăng trưởng ổn định từ 4 đến 5% mỗi năm. Trong đó, các ngành công nghiệp và giao thông vận tải sẽ tiếp tục là nhân tố chính thúc đẩy nhu cầu trong nước.

Bên cạnh đó, việc Chính phủ đã chính thức phê duyệt Đề án về nâng mức dự trữ xăng dầu, theo đó, mức dự trữ xăng dầu thành phẩm nâng từ 440.000 lên 800.000 - 900.000 m³, tức là nâng gấp 2 lần khả năng dự trữ. Ngoài ra, trong quyết định mới thì không chỉ dự trữ xăng dầu thành phẩm mà còn dự trữ cả dầu thô, đây là nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy lọc dầu trong nước. Theo đó, công suất dầu thô sẽ bảo đảm được 15 cho đến 20 ngày nhập ròng. Điều này không chỉ đảm bảo sự ổn định trong cung cấp mà còn giúp các doanh nghiệp trong ngành có thể điều chỉnh hoạt động kinh doanh một cách linh hoạt, giảm thiểu rủi ro gián đoạn cung ứng thị trường trong nước.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ *Cung khí:*

Trong tháng 8, nguồn cung khí đốt tự nhiên trên thế giới có xu hướng thắt chặt do bị ảnh hưởng bởi căng thẳng địa chính trị và hoạt động bảo trì của các nhà máy lớn.

Tại châu Âu, nguồn cung khí đốt từ Nga vẫn bị hạn chế do căng thẳng chính trị và xung đột kéo dài, dẫn đến việc các nước trong khu vực phải tìm kiếm nguồn cung thay thế từ các nhà xuất khẩu khác như Mỹ và Qatar, nhưng vẫn không đủ để hoàn toàn bù đắp sự thiếu hụt. Mặt khác, trong tháng 8, các nhà khai thác mỏ Na Uy đã bước vào mùa bảo trì, dẫn đến lưu lượng khí đốt hàng ngày đến châu u giảm hơn 10% kể từ đầu tháng 8.

Bên cạnh đó, nguồn cung khí đốt của Mỹ vẫn ổn định ở mức 107,8 tỷ feet khối mỗi ngày. Trong đó, sản lượng khí đốt ở 48 tiểu bang vùng Hạ đạt trung bình 103,6 tỷ feet khối/ngày trong tháng 8, tăng nhẹ từ mức 103,4 bcf/ngày của tháng 7.

Đồng thời, sản lượng khí đốt nội địa ở một số khu vực như Nigeria và Australia đã tăng mạnh trong tháng qua đã góp phần tăng cường nguồn cung trên toàn cầu.

▪ *Cầu khí:*

Trong tháng 8, nhu cầu khí đốt tăng mạnh tại châu Á và có xu hướng giảm nhẹ ở khu vực châu Âu.

Tại châu Á, nhu cầu khí đốt tăng cao do nhiệt độ cao hơn thúc đẩy nhu cầu điện để làm mát. Trong đó, Trung Quốc và Nhật Bản tiếp tục là những quốc gia tiêu thụ khí đốt lớn nhất, gia tăng nhập khẩu để đáp ứng nhu cầu năng lượng gia tăng.

Trung Quốc đã nhập khẩu khoảng 6,94 triệu tấn LNG trong tháng này, mức cao nhất kể từ tháng 1 và tăng so với 5,91 triệu tấn của tháng trước. Nhật Bản, nước nhập khẩu LNG lớn thứ hai thế giới, đã mua 5,83 triệu tấn, tăng từ mức 5,45 triệu tấn trong tháng 7.

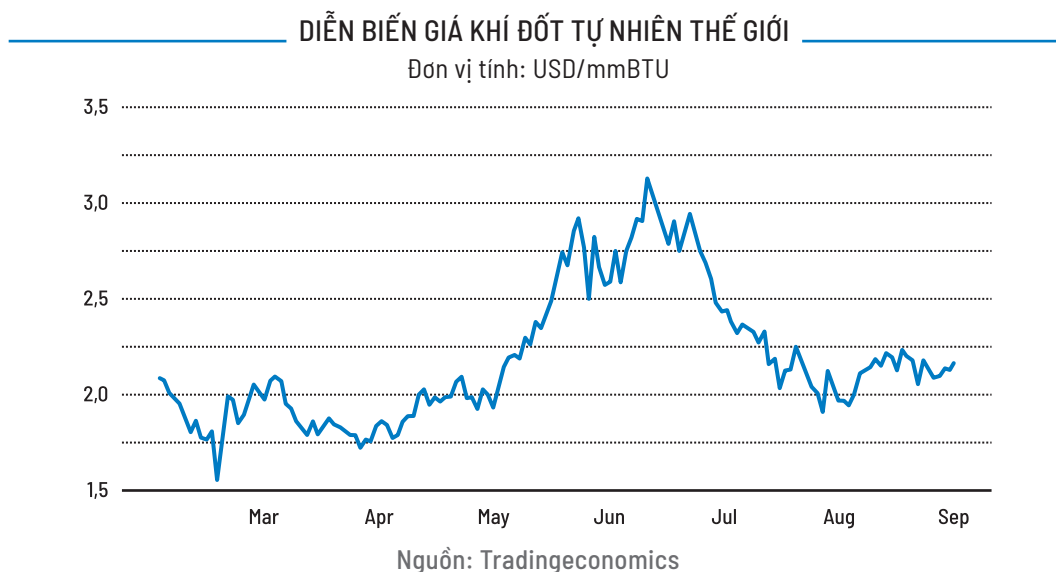
Hàn Quốc cũng ghi nhận sự gia tăng trong nhập khẩu LNG, ước đạt 3,86 triệu tấn trong tháng 8, tăng từ mức 3,16 triệu tấn của tháng trước.

Tại châu Âu, thị trường khí đốt tiếp tục đối mặt với khó khăn. Nhu cầu khí đốt từ các khu vực công nghiệp, dân cư và thương mại vẫn ở mức thấp, điều này đã hạn chế sự gia tăng trong nhập khẩu.

Tại Nga, nhu cầu tiêu thụ khí đốt ở khu vực nội địa vẫn ổn định, bất chấp những thách thức từ các yếu tố chính trị và kinh tế.

▪ **Diễn biến giá:**

Trong tháng 8, sự kết hợp của các yếu tố như gián đoạn nguồn cung từ Na Uy, lo ngại về tình trạng bất ổn tại Ukraine và nhu cầu tăng cao tại châu Á đã dẫn đến giá khí đốt thế giới có xu hướng tăng nhẹ. Điều này phản ánh sự căng thẳng trong chuỗi cung ứng khí đốt toàn cầu và áp lực từ nhu cầu tiêu thụ gia tăng, đặc biệt là tại các quốc gia tiêu thụ lớn như Trung Quốc và Nhật Bản.



2.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng 8, nhu cầu tiêu thụ khí tại Việt Nam tăng mạnh, chủ yếu do nhu cầu từ các ngành công nghiệp và khu vực dân cư. Các nhà máy công nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực chế biến thực phẩm và sản xuất điện, tiếp tục duy trì mức tiêu thụ cao. Đồng thời, nhu cầu tiêu thụ khí gas cho các mục đích gia đình cũng gia tăng do nhiệt độ mùa hè tăng cao.

Bên cạnh đó, giá gas bán lẻ tháng 8 tăng 0,67% so với tháng trước, chủ yếu do hợp đồng giá gas thế giới bình quân tháng 8 đạt 580 USD/tấn, tăng 7,5 USD/tấn so với tháng 7.

Tính từ đầu năm 2024 đến nay, giá gas bán lẻ trong nước đã trải qua 4 lần tăng giá, 3 lần giảm giá và 1 lần giữ nguyên. Tình hình này phản ánh sự biến động liên tục của giá gas toàn cầu và sự nỗ lực của các công ty phân phối trong việc điều chỉnh giá bán lẻ nhằm duy trì sự ổn định trong thị trường trong nước.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cung khí:

Ngày 6/8, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo sản lượng khí đốt tự nhiên của Mỹ sẽ đạt trung bình khoảng 103,3 bcf/ngày trong năm nay. Con số này thấp hơn so với mức 103,8 bcf/ngày được sản xuất vào năm ngoái và thấp hơn một chút so với dự báo 103,5 bcf/ngày trong báo cáo tháng 7. Theo EIA, các nhà sản xuất khí đốt tự nhiên lớn của Mỹ sẽ cắt giảm sản lượng hơn nữa vào nửa cuối năm 2024, sau khi giá giảm gần 40% trong hai tháng qua.

Trong khi đó, Goldman Sachs dự báo kho lưu trữ khí đốt của châu Âu sẽ đầy 95% vào cuối tháng 10. Đây là một dấu hiệu tích cực cho thị trường khi kho lưu trữ cao sẽ giúp giảm bớt lo ngại về thiếu hụt nguồn cung trong mùa đông sắp tới.

▪ Cầu khí:

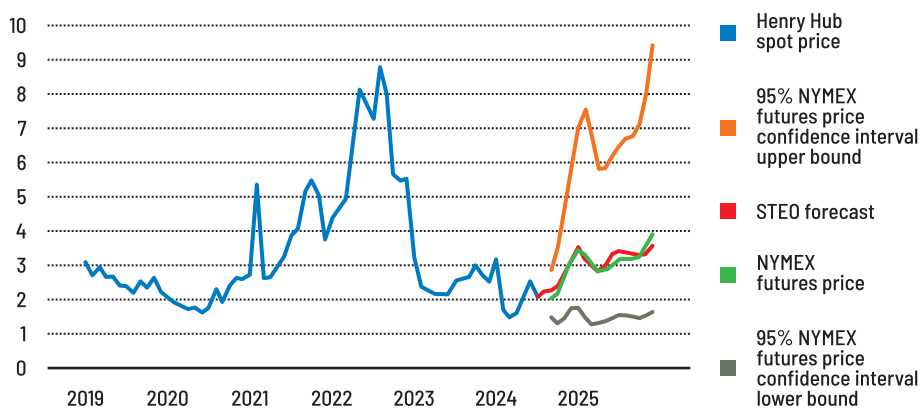
Nhu cầu khí đốt toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong những tháng cuối năm 2024, do nhu cầu khí đốt để sưởi ấm sẽ tăng lên, đặc biệt là ở các khu vực có khí hậu lạnh như châu Âu và Bắc Mỹ. Đồng thời, tại châu Á, nhu cầu khí đốt vẫn duy trì mức cao do nhu cầu dùng khí để sản xuất điện năng gia tăng, đặc biệt ở các quốc gia tiêu thụ lớn như Trung Quốc và Nhật Bản.

▪ Diễn biến giá:

Ngày 6/8, Cơ quan Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo giá khí đốt tự nhiên giao ngay Henry Hub sẽ ở mức tương đối thấp, duy trì dưới 2,50 đô la/MMBtu cho đến tháng 10. Tuy nhiên, EIA cho rằng mức tiêu thụ khí đốt để sưởi ấm không gian vào mùa đông sẽ tăng, cùng với việc tăng cường xuất khẩu khí đốt tự nhiên hóa lỏng (LNG) từ các cơ sở mới ở Texas và Louisiana sẽ đẩy giá Henry Hub lên mức trung bình khoảng 3,10 đô la/MMBtu từ tháng 11 năm nay đến tháng 3 năm 2025.

DỰ BÁO GIÁ KHÍ ĐỐT TỰ NHIÊN GIAO NGAY HENRY HUB NĂM 2024-2025

Đơn vị tính: USD/mmBTU



Nguồn: EIA

2.2.2. Thị trường trong nước

Với các nguồn khí đang khai thác hiện hữu, dự báo sản lượng khí sẽ suy giảm từ hơn 6 tỷ m³ khí/năm hiện nay, xuống còn khoảng 4 tỷ m³ khí/năm kể từ năm 2028. Khả năng cấp khí cho các nhà máy điện cũng suy giảm mạnh, như khu vực Đông Nam bộ, ước tính từ năm 2024 - 2030 với các nguồn khí hiện nay, khả năng cấp khí cho khu vực này chỉ bằng từ 46 - 3% so với mức của năm 2019 (6,6 tỷ m³/năm).

Bên cạnh đó, *Wood Mackenzie dự báo nhu cầu khí đốt tại Việt Nam sẽ tăng trung bình 12% mỗi năm, thậm chí sẽ tăng gấp 3 lần vào giai đoạn giữa những năm 2030.* Theo đó, nhu cầu tiêu thụ khí đốt tự nhiên (khí nén và hóa lỏng LNG) của Việt Nam dự kiến tăng 12% mỗi năm, từ 8 triệu tấn dầu quy đổi (Mtoe) vào năm 2020 lên 20 Mtoe vào 2035. Con số này tăng lên 32 Mtoe vào 2050.

Tuy nhiên, Việt Nam đang đối mặt với thách thức về nguồn cung khí đốt, và việc chưa có hợp đồng mua LNG dài hạn, làm tăng nguy cơ biến động giá loại nhiên liệu này trong nước trong thời gian tới.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 8, thị trường phân bón có nhiều diễn biến trái chiều tại các khu vực trên thế giới.

Tại Mỹ, sản lượng phân bón cũng tăng nhờ vào sự mở rộng của các cơ sở sản xuất và việc áp dụng công nghệ mới giúp cải thiện hiệu quả sản xuất. Điều này đã góp phần làm giảm áp lực giá cả trên thị trường nội địa.

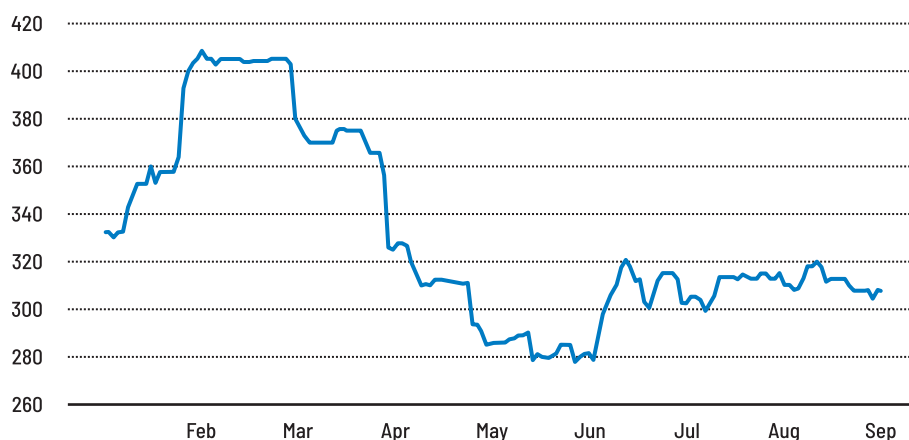
Trong khi đó, tại châu Âu, thị trường phân bón gặp khó khăn do những vấn đề về chi phí năng lượng cao và tình trạng bất ổn chính trị, điều này đã dẫn đến sự biến động giá cả và nguồn cung không ổn định.

Tại châu Á, nhu cầu phân bón vẫn duy trì ổn định, đặc biệt ở các quốc gia nông nghiệp lớn như Ấn Độ và Trung Quốc. Tuy nhiên, sự gia tăng trong chi phí vận chuyển và logistics đã ảnh hưởng đến giá cả và khả năng tiếp cận phân bón của người nông dân.

Bên cạnh đó, giá phân bón thế giới đã có dấu hiệu giảm nhẹ nhờ vào việc tăng nguồn cung từ các nhà sản xuất lớn và sự điều chỉnh trong chi phí sản xuất. Đặc biệt, giá ure tiếp tục có xu hướng giảm do nguồn cung ổn định từ các nước xuất khẩu chính như Nga, Trung Đông và sự giảm giá nguyên liệu đầu vào như khí đốt tự nhiên. Ngoài ra, các quốc gia xuất khẩu phân bón chính, bao gồm Nga và Trung Đông đã duy trì sản lượng ổn định, giúp làm giảm áp lực lên giá cả toàn cầu.

DIỄN BIẾN GIÁ URE THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/tấn



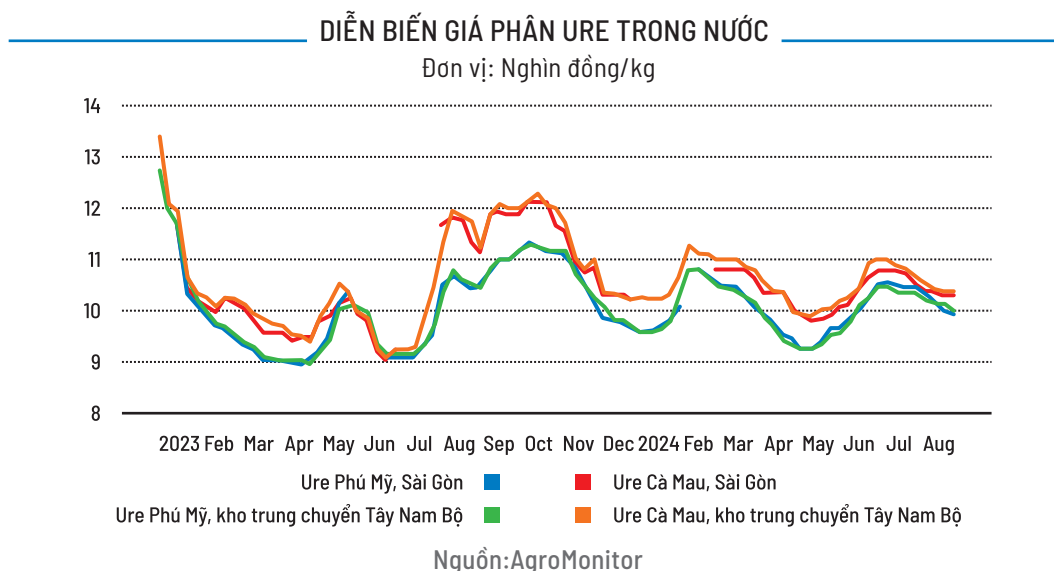
Nguồn: Tradingeconomics

3.1.2. Thị trường trong nước

Nguồn cung phân bón trong nước được duy trì ổn định nhờ vào các hợp đồng nhập khẩu từ các nhà cung cấp quốc tế, bao gồm những nước xuất khẩu lớn như Trung Quốc và Nga.

Bên cạnh đó, nhu cầu phân bón trong nước vẫn còn chậm mặc dù các doanh nghiệp phân bón trong nước đã tích cực điều chỉnh chiến lược kinh doanh để phù hợp với tình hình thị trường, như tăng cường các hoạt động phân phối và khuyến mãi nhằm giữ chân khách hàng.

Trong tháng 8, giá phân bón trong nước có xu hướng giảm nhẹ, đặc biệt là phân bón ure. Nguyên nhân chính đến từ nhu cầu tiêu thụ chậm lại ở hầu hết các khu vực, trong khi nguồn cung vẫn được duy trì ổn định.



Mặc dù giá giảm, thị trường phân bón trong nước vẫn gặp khó khăn do sản xuất trong nước chưa đáp ứng đủ nhu cầu, nhất là các loại phân bón chất lượng cao hoặc phân bón chuyên dụng, buộc Việt Nam tiếp tục nhập khẩu để đảm bảo nguồn cung.

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường phân bón quốc tế, đặc biệt là ure, dự báo sẽ tiếp tục thắt chặt trong thời gian tới. Mặc dù nguồn cung có thể dần được cải thiện vào cuối năm khi các vấn đề sản xuất được giải quyết, nhưng tâm lý chung trên thị trường vẫn khá thận trọng. Các thị trường quan trọng như Ấn Độ không được kỳ vọng sẽ tạo ra sự tăng trưởng nhu cầu đáng kể trong ngắn hạn. Do đó, giá ure nhiều khả năng sẽ duy trì ở mức cao, gây ra thách thức lớn cho ngành nông nghiệp toàn cầu khi phải đối mặt với chi phí sản xuất tăng.

3.2.2. Thị trường trong nước

Thị trường phân bón trong nước dự báo sẽ có sự khởi sắc trong những tháng cuối năm 2024, đặc biệt là phân ure, khi bước vào vụ Đông Xuân. Nhu cầu tiêu thụ phân ure trong nước sẽ cải thiện đáng kể trong nửa cuối năm 2024 nhờ vào hai yếu tố:

Thứ nhất, thời tiết được dự báo sẽ thuận lợi hơn cho sản xuất nông nghiệp, với việc thời tiết được cải thiện, nông dân sẽ bắt đầu tăng cường hoạt động sản xuất, thúc đẩy nhu cầu sử dụng phân bón.

Thứ hai, giá nông sản có xu hướng tăng, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân về mặt tài chính. Khi giá nông sản tăng, nông dân sẽ có thu nhập tốt hơn, từ đó tăng khả năng chi trả cho phân bón và các nguyên liệu đầu vào khác. Điều này sẽ hỗ trợ trực tiếp cho sự phục hồi của thị trường phân ure và các loại phân bón khác trong thời gian tới.

Ngoài ra, việc giá phân bón toàn cầu dự kiến sẽ tăng do áp lực về nguồn cung cũng là yếu tố khiến giá phân ure trong nước có khả năng tăng cao vào cuối năm.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng qua, nhu cầu sử dụng điện cho làm việc mát tăng cao khi các nước châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... do nhiệt độ mùa hè tăng cao.

Tại Trung Quốc, cơ quan quản lý năng lượng đã cảnh báo nguy cơ thiếu điện trong những tháng tới do tiêu thụ điện gia tăng đột biến.

Bên cạnh đó, tại Hàn Quốc cũng ghi nhận nhu cầu điện năng tối đa bình quân trong tháng 8 lên đến 87,8 GW, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm trước, xác lập mức kỷ lục mới, do thời tiết nắng nóng bất thường kéo dài.

Trong khi đó, tại châu Âu đang trải qua một sự chuyển đổi mạnh mẽ khi các nguồn năng lượng tái tạo, đặc biệt là gió và mặt trời, chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu năng lượng.

Đặc biệt, ngày 21/8, giá điện ở một số khu vực tại châu Âu đã giảm xuống dưới 0 do sản lượng điện từ gió và mặt trời tăng vọt. Trong đó, sản lượng gió tại Đức đã đạt 22,7 gigawatt - mức cao nhất trong 4 tháng, khiến lưới điện bị quá tải và giá điện chuyển sang âm trong 6 giờ vào ngày 20/8. Điều này phản ánh sự biến động trong cung cầu điện năng khi các nguồn năng lượng tái tạo ngày càng chiếm ưu thế tại thị trường điện châu Âu.

4.1.2. Thị trường trong nước

Thời tiết nắng nóng kéo dài ở nhiều khu vực, đặc biệt là các thành phố lớn và miền Trung, đã làm tăng mạnh nhu cầu sử dụng điện trong tháng 8. Điều này gây áp lực lớn lên hệ thống lưới điện, đặc biệt khi các nhà máy thủy điện phải hoạt động cầm chừng do mực nước tại các hồ chứa thấp hơn mức trung bình nhiều năm do đó các nhà máy điện than và điện khí phải hoạt động tối đa công suất để bù đắp cho sự thiếu hụt từ nguồn thủy điện.

Mặc dù nhu cầu tiêu thụ điện vẫn còn ở mức cao, tuy nhiên giá điện sinh hoạt trong tháng 8 đã giảm 0,76% so với tháng trước, góp phần giảm áp lực cho người tiêu dùng.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường điện quốc tế dự báo sẽ có sự chuyển đổi mạnh mẽ về nguồn cung cấp và công nghệ, với sự gia tăng của năng lượng tái tạo và sự phát triển của công nghệ lưu trữ và lưới điện thông minh.

Thêm vào đó, nhu cầu tiêu thụ điện dự báo sẽ tiếp tục tăng, đặc biệt ở các nền kinh tế đang phát triển và các quốc gia đang trong quá trình công nghiệp hóa. Sự gia tăng tiêu thụ điện sẽ được thúc đẩy bởi sự mở rộng của ngành công nghiệp, sự gia tăng số lượng thiết bị điện tử, và nhu cầu cao hơn từ các lĩnh vực như giao thông điện, xây dựng thông minh và các ứng dụng công nghệ cao.

4.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo với sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao, thị trường điện Việt Nam đang hướng tới việc mở rộng cơ cấu nguồn cung ứng và cải thiện hạ tầng. Bên cạnh đó, chính phủ cũng đang tích cực thúc đẩy chuyển đổi sang các nguồn năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời và khí tự nhiên để giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và giảm thiểu tác động môi trường.

Trong những tháng cuối năm 2024, sản lượng điện thương phẩm của nhóm thủy điện được dự báo sẽ cao hơn trong tương lai nhờ vào việc gia tăng lưu lượng nước về các hồ chứa. Thủy điện, với chi phí sản xuất và giá bán điện thấp nhất trong các nguồn năng lượng, sẽ tiếp tục được ưu tiên huy động, điều này đồng nghĩa với việc nguồn điện từ than sẽ gặp khó khăn hơn. Tương tự, nguồn điện từ khí cũng sẽ gặp khó khăn do sự ưu tiên của thủy điện và sự suy giảm dần của các nguồn khí trong nước.

Ngoài ra, đối với điện tái tạo, việc Chính phủ ban hành nghị định thông qua cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) mang đến nhiều triển vọng tích cực trong tương lai. DPPA là bước thí điểm cho thị trường bán buôn điện cạnh tranh (VWEM) và là một bước tiến quan trọng trong lộ trình hướng tới tự do hóa ngành điện của Việt Nam.



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 8/2024 với nhiều diễn biến phức tạp, khó dự báo đang tạo ra nhiều thách thức và cơ hội mới cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng như PVN. Điều này đòi hỏi PVN cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho PVN, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:

- Tập trung nghiên cứu, phát triển đa dạng hóa các nguồn nguyên liệu thay thế, mở rộng chuỗi giá trị các sản phẩm dầu khí, đặc biệt là các sản phẩm có giá trị gia tăng cao nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh và thích ứng với biến động của thị trường.
- Chủ động đề xuất các giải pháp điều chỉnh và tháo gỡ những khó khăn về cơ chế, chính sách trong hoạt động đầu tư, triển khai các dự án trọng điểm của Tập đoàn. Đồng thời tích cực tham gia vào quá trình xây dựng các dự thảo Luật liên quan đến ngành dầu khí và năng lượng, giúp nắm rõ cơ chế và định hướng phát triển ngành năng lượng của Chính phủ trong tương lai, từ đó xác định rõ chiến lược phát triển dài hạn của Tập đoàn.
- Đẩy mạnh quá trình chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển, tăng cường hợp tác với các tập đoàn dầu khí hàng đầu để nâng cao trình độ kỹ thuật và phát triển công nghệ mới.
- Xây dựng các chiến dịch truyền thông để quảng bá thương hiệu ra thị trường quốc tế, kết hợp với việc tham gia vào các sự kiện, triển lãm lớn trong ngành năng lượng thế giới, giúp Tập đoàn tiếp cận các thị trường mới, tạo dựng các mối quan hệ đối tác chiến lược và tạo dựng hình ảnh thương hiệu uy tín trên trường quốc tế.
- Tìm kiếm, khai thác các nguồn vốn ngoài ngân sách như vay vốn từ các tổ chức tài chính, phát hành trái phiếu, hoặc huy động vốn từ các đối tác chiến lược và nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, thường xuyên cung cấp thông tin minh bạch về tình hình tài chính và chiến lược phát triển của Tập đoàn để thu hút sự quan tâm và đầu tư quốc tế.
- Hoàn thiện công tác quản trị, đặc biệt là quản trị rủi ro và quản trị sản xuất, bằng cách triển khai hệ thống báo cáo chi tiết và nâng cao công tác giám sát. Qua đó, giúp Tập đoàn thực hiện các điều chỉnh kịp thời nhằm tối ưu hóa các nguồn lực và tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 9/2024

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 8 NĂM 2024

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 8 năm 2024	8 tháng đầu năm 2024	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a					
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a		102	109,5	108,6	
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới	DN	13.400	168.100	84,8	87,2		
3.2	Quay lại hoạt động	DN	8.500					
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN	12.421	135.300				
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	5.334					
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	5.160					
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.927		111,4	126		
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	62,1	363,1		101,3	102	
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD		20,52			107	
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD		14,15			108	
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	526,6	4.148,4		107,9	108,5	
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	37,59	265,09	103,7	114,5	115,8	
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	33,06	246,02	97,6	112,4	117,7	
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 4,53	Xuất siêu 19,07				
7	Chỉ số giá							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng					103,45	104,04	101,89
7.2	Chỉ số giá vàng					101,93	131,05	125,54
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ					99,36	105,86	105,85
7.4	Lạm phát cơ bản					100,24	102,53	102,71

A: Tháng 8/2024 so với tháng 7/2024

B: Tháng 8/2024 so với tháng 8/2023

C: 8 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023

D: Tháng 8/2024 so với tháng 12/2023



Ảnh bìa: Dòng chảy thương mại toàn cầu
xấu đi trong tháng thứ ba liên tiếp.

 GettyImages



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện